

CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH BÌNH DƯƠNG

\*\*\*\_\*\*\*

## BÁO CÁO

### ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ “NHÀ MÁY NƯỚC SẠCH HỮU BẰNG”

Địa chỉ: Số nhà 47 đường Máy Nước, thôn Miếu, xã Tây Phương, thành phố Hà Nội

CHỦ CƠ SỞ  
CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH  
BÌNH DƯƠNG



GIAM ĐỐC

*Nguyễn Đình Lương*

Hà Nội, tháng 01 năm 2026

## MỤC LỤC

CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ .....	6
1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương .....	6
2. Tên Cơ sở: Nhà máy nước sạch Hữu Bằng .....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở .....	8
CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG .....	13
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường. ....	13
2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường .....	13
CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	15
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải .....	15
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải .....	20
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường .....	21
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại .....	22
5. Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung .....	23
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường .....	24
7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác .....	29
8. Các nội dung thay đổi so với giấy xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản .....	30
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG .....	33
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải .....	33
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải .....	34
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung .....	34
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....	36
1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường: .....	36
2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải: .....	36
3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải: .....	38
4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải): .....	38
5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất): .....	38

6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải: .....	38
7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:.....	39
<b>CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH</b>	
<b>QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ .....</b>	<b>40</b>
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở .....	40
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật .....	40
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	40
3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.....	41
4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	41
<b>CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....</b>	<b>42</b>

## **DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 1. 1. Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở .....	8
Bảng 1. 2. Nguyên, nhiên liệu và hóa chất trong quá trình vận hành Cơ sở .....	10
Bảng 3. 1. Kích thước, thông số kỹ thuật hệ thống thu thoát nước mưa của cơ sở.....	15
Bảng 3. 2. Kích thước các bể hệ thống xử lý nước thải .....	19
Bảng 3. 3. Lượng chất thải nguy hại phát sinh.....	22
Bảng 3. 4. Các sự cố và biện pháp phòng ngừa ứng phó đối với hệ thống xử lý và cấp nước sạch .....	25
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải .....	33
Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn về tiếng ồn đến ngày 31/12/2026.....	35
Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn về tiếng ồn từ ngày 01/01/2027 .....	35
Bảng 4. 4. Giá trị giới hạn về độ rung đến ngày 31/12/2026 .....	35
Bảng 4. 5. Giá trị giới hạn về độ rung từ ngày 01/01/2027 .....	35
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải .....	37

## **DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ**

Hình 1. 1. Vị trí của cơ sở .....	7
Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình hoạt động cơ sở.....	9
Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa .....	15
Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước nước thải .....	16
Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của cơ sở.....	17
Hình 3. 4. Minh hoạ cấu tạo và cơ chế của bể tự hoại 3 ngăn.....	18

**DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT**

<b>STT</b>	<b>Ký hiệu</b>	<b>Tên ký hiệu</b>
1	BVMT	Bảo vệ Môi trường
2	BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
3	COD	Nhu cầu oxy hóa học
4	HĐBM	Hoạt động bề mặt
5	BTCT	Bê tông cốt thép
6	CTNH	Chất thải nguy hại
7	CTRTT	Chất thải rắn thông thường
8	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
9	QCTĐHN	Quy chuẩn thủ đô Hà Nội
10	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
11	UBND	Ủy ban nhân dân
12	HTXL	Hệ thống xử lý
13	XLNT	Xử lý nước thải
14	XLKT	Xử lý khí thải
15	WHO	Tổ chức Y tế thế giới
16	GĐ	Giai đoạn
17	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
18	GPMT	Giấy phép môi trường
19	STN&MT	Sở Tài nguyên và Môi trường
20	TPNH	Thành phần nguy hại
21	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam

## **CHƯƠNG I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ**

### **1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương**

- Địa chỉ: Số 47 đường Máy Nước, Thôn Miếu, Xã Tây Phương, TP Hà Nội

- Đại diện: Ông Nguyễn Đình Tường Chức danh: Giám đốc

- Điện thoại: 02433672281

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0500388782 cấp lần đầu ngày 12/12/2008 thay đổi lần thứ 4 ngày 12/08/2025.

### **2. Tên Cơ sở: Nhà máy nước sạch Hữu Bằng**

- Địa điểm thực hiện cơ: Số 47 đường Máy Nước, thôn Miếu, xã Tây Phương, TP Hà Nội.

Tổng diện tích đất của cơ sở là 5.144,4 m<sup>2</sup>. Trong đó: Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương thuê lại khu đất có diện tích 4.253,9 m<sup>2</sup> của bà Phan Thị Lỗi để xây dựng Nhà máy nước sạch Hữu Bằng theo hợp đồng thuê đất số 01/HĐTVP/ST/2017 ngày 08/08/2017 và được UBND xã Hữu Bằng bàn giao 890,5 m<sup>2</sup> đất để xây dựng nhà máy theo biên bản bàn giao mặt bằng sử dụng đất ngày 16/12/2014.

- Vị trí của cơ sở:

+ Phía Tây giáp với đường nhà máy nước

+ Phía Nam giáp với khu dân cư

+ Phía Bắc giáp khu dân cư

+ Phía Đông giáp khu đất trống

- Vị trí cơ sở được thể hiện như sau



- Phân loại nhóm theo tiêu chí môi trường: cơ sở có tiêu chí môi trường tương đương với dự án Nhóm III

- Căn cứ theo khoản 2, điều 39, Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14, Cơ sở thuộc đối tượng phải làm Giấy phép môi trường (với loại hình cơ sở đang hoạt động có tiêu chí môi trường tương đương dự án nhóm III).

- Cơ sở đi vào hoạt động từ năm 2018, Báo cáo được viết theo mẫu phụ lục X của Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (Phụ lục X - mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động)

- Căn cứ theo Căn cứ theo điểm a, khoản 1, điều 26 của Nghị định số 131/2025/MĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính Phủ, thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Cơ sở do UBND thành phố Hà Nội phê duyệt (ủy quyền cho Sở nông nghiệp và Môi trường Hà Nội phê duyệt).

**Bảng 1. 1. Quy mô các hạng mục công trình của cơ sở**

STT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích
1	Khu văn phòng	m <sup>2</sup>	200
2	Khu xử lý nước cấp cũ (không hoạt động)	m <sup>2</sup>	200
3	Khu xử lý nước sạch (đang hoạt động)	m <sup>2</sup>	450
4	Khu xử lý nước thải	m <sup>2</sup>	790
5	Kho chất thải nguy hại	m <sup>2</sup>	6
6	Trạm bơm cấp 2	m <sup>2</sup>	15
7	Sân đường	m <sup>2</sup>	3.483,4
	<b>Tổng</b>		<b>5.144,4</b>

### **3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở**

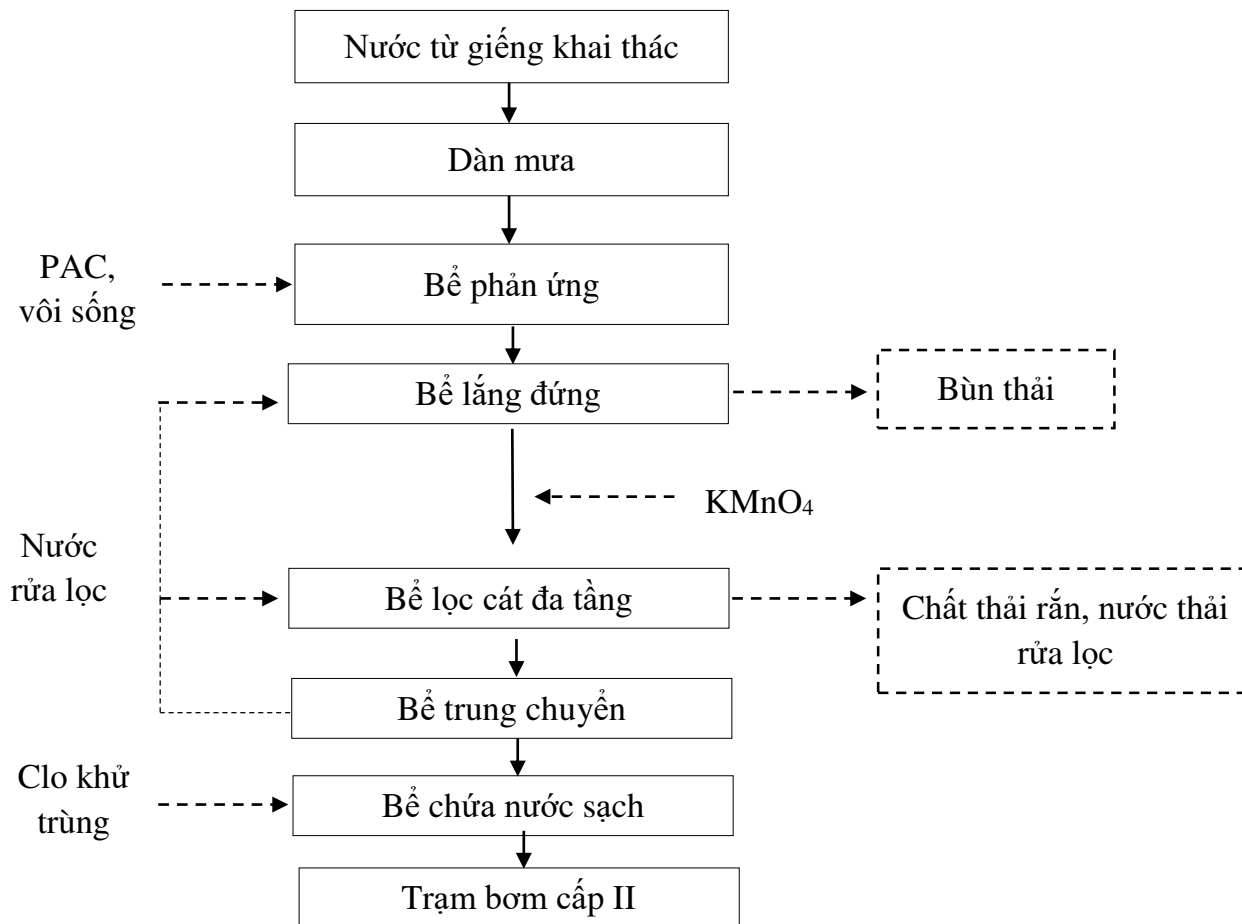
#### **3.1. Công suất, sản phẩm của cơ sở**

- Công suất cấp nước sạch tối đa khoảng 2.900 m<sup>3</sup>/ngày theo giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 38/GP-UBND ngày 16/03/2023 do UBND thành phố Hà Nội cấp. Công suất khai thác nước năm 2025 ngày cao nhất đạt 2.872 m<sup>3</sup>/ngày.đêm tương ứng với 99% công suất thiết kế. Trung bình khoảng 1.300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Nước sau khi xử lý được lưu giữ trong bể chứa nước sạch thể tích 200 m<sup>3</sup> để cấp cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên và rửa hệ thống lọc nước với lưu lượng khoảng 30 m<sup>3</sup>/ngày. Còn lại sẽ cấp cho hộ dân trên địa bàn xã Tây Phương qua trạm bơm cấp II.

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Quy trình xử lý nước sạch của cơ sở như sau:



Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình hoạt động cơ sở

**Thuyết minh quy trình:**

#### - Giàn mưa oxy hóa

Nước từ giếng khai thác được bơm qua dàn mưa có sàn lưới inox để tăng tiếp xúc khí oxy nhằm oxy hóa  $Fe^{2+}$ ,  $Mn^{2+}$ , giải phóng  $CO_2$ .

#### - Bể phản ứng, keo tụ

Nước từ dàn mưa sau đó chảy sang bể phản ứng. Bể phản ứng có kích thước 8 x 4 x 1m, tại đây cơ sở bổ sung hoá chất PAC để tăng hiệu quả lắng tại công đoạn sau và bổ sung vôi sống để trung hoà pH, khử chua, khử phèn, diệt khuẩn. Bể được thiết kế zig zac để tăng thời gian tiếp xúc hoà tan PAC trong nước trước khi sang bể lắng đứng.

#### - Bể lắng đứng

Nước từ bể phản ứng được chảy sang bể lắng đứng. Bể được thiết kế gồm 2 ngăn độc lập vận hành song song mỗi ngăn kích thước 7,48 x 7,48 x 7,8 m. Nước từ bể phản ứng chảy sang bể lắng để lắng cặn. Trong bể lắng có bố trí máng thu đối xứng và giàn

ống thu bùn khoan lỗ. Trên máng thu từ bể lắng đứng sang bể lọc cơ sở châm bổ sung  $KMnO_4$  nhằm oxy hoá Mn còn lại trong nước trước khi qua bể lọc.

Bùn từ bể lắng định kỳ 3 ngày/lần cơ sở sẽ xả về ngăn chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải.

**- Bể lọc cát đa tầng (12 bể)**

Tại cơ sở có 12 bể lọc vận hành song song, mỗi bể lọc có kích thước dài x rộng x cao:  $2,3 \times 2,3 \times 5,4$  m, vận hành song song. Cấu tạo mỗi bể lọc gồm: hầm thu nước 1,0 m (ống thu DN150), sàn BTCT + chụp lọc PVC D34 (đục lỗ  $\varnothing 5$  mm, cao 100 mm, mật độ  $a=100$  mm), sỏi đỡ (2 lớp) 0,5 m, cát thạch anh 1,7 m, giàn phân khí PVC D27, máng thu & ống xả PVC D160. Nước được lọc theo phương pháp lọc trọng lực, nước sau khi lọc chảy sang bể trung chuyển. Mỗi bể lọc định kỳ cơ sở sẽ tiến hành rửa ngược với tần suất 3 ngày/lần, mỗi lần rửa 4 bể lọc.

Quy trình rửa lọc mỗi bể bao gồm 2 bước:

- Rửa khí trong vòng 15 phút và rửa nước 15 phút
- Bơm rửa nước có công suất 7,5 kW, lưu lượng 30 m<sup>3</sup>/h. Thời gian rửa là 15 phút, lưu lượng rửa khoảng 7,5 m<sup>3</sup>/lần/bể.

**- Bể trung chuyển & bể nước sạch**

Bể trung chuyển thu nước sau lọc; chia đôi: 50% về bể nước sạch 200 m<sup>3</sup>, tại bể chứa cơ sở châm hoá chất khử trùng Clo lỏng để khử trùng nước, 50% tuần hoàn về cuối bể lắng để khử Amoni tiếp tục qua bể lọc để xử lý.

- Nước từ bể chứa sẽ được trạm bơm cấp II bơm qua hệ thống phân phối đến khu vực sử dụng.

**4. Nguyên liệu, nhiên liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện nước của cơ sở**

**4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng**

Các nguyên liệu, hoá chất sử dụng cho cơ sở chủ yếu là các hoá chất cho hệ thống xử lý nước cấp. Cụ thể như sau:

**Bảng 1. 2. Nguyên, nhiên liệu và hóa chất trong quá trình vận hành Cơ sở**

TT	Tên nguyên liệu	Khối lượng	Đơn vị
1	Vôi sống	300	kg/tháng
2	PAC	7.300	kg/tháng
3	Clo khử trùng	30	kg/tháng
4	$KMnO_4$	1.998	kg/tháng

**4.2. Nguồn cung cấp điện, nước**

#### *4.2.1. Nhu cầu sử dụng điện và nguồn cung cấp điện*

Nguồn cung cấp điện cho Cơ sở là nguồn điện được lấy từ nguồn điện lưới khu vực của Công ty Điện lực Thạch Thất. Lượng điện tiêu thụ của Cơ sở theo hoá đơn điện 6 tháng gần nhất trung bình khoảng 56.616 KWh/tháng.

#### *4.2.2. Nhu cầu sử dụng nước và nguồn cung cấp nước*

Nguồn cung cấp nước của cơ sở được lấy từ bể chứa nước sạch thể tích 200 m<sup>3</sup> chứa nước ngầm sau xử lý.

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở chủ yếu là nước cấp cho sinh hoạt của 3 cán bộ nhân viên vận hành và nước cấp cho rửa lọc. Tại cơ sở không có nhà ăn, nhà bếp, cán bộ nhân viên sẽ tự túc ăn uống bên ngoài. Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở khi hoạt động 100% công suất như sau:

- *Nhu cầu sử dụng nước cho cán bộ, nhân viên:*

Số lượng cán bộ, nhân viên làm việc tại cơ sở là 3 người. Theo TCVN 4513:1988, lấy định mức sử dụng nước của cán bộ, nhân viên là 45 lít/người.ngày. Vậy lượng nước cấp cho các cán bộ, nhân viên là:

$$3 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người.ngày} = 135 \text{ lít/ngày} = 0,14 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Áp dụng hệ số sử dụng nước không điều hoà  $k = 1,2$  thì nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt lớn nhất tại cơ sở là: 0,2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

- *Nhu cầu sử dụng nước rửa hệ thống lọc*

Tại hệ thống lọc của cơ sở có 12 bể lọc, tần suất 3 ngày/lần, mỗi lần rửa 4 bể. Công suất rửa ngược của mỗi bể là 30 m<sup>3</sup>/h, thời gian rửa ngược khoảng 15 phút. Lưu lượng nước rửa ngược là: 7,5 m<sup>3</sup>/lần/bể.

Mỗi ngày cơ sở rửa 4 bể lọc như vậy tổng khối lượng nước rửa lọc một ngày là 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

→ Tổng nhu cầu sử dụng nước lớn nhất tại cơ sở là: 30,2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

#### *4.2.3. Nhu cầu xả nước thải*

Nước thải phát sinh tại cơ sở bao gồm:

+ Nước thải sinh hoạt

+ Nước thải rửa lọc

+ Nước thải từ quá trình xả bùn cặn của bể lắng đứng của hệ thống lọc nước cấp bể bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải. Phần nước lẫn trong bùn sau khi lắng sẽ thu gom về bể lắng 1 để xử lý.

Lưu lượng nước thải thực tế tại cơ sở theo nhật ký vận hành lớn nhất là 24 m<sup>3</sup>/ngày.đêm giai đoạn này cơ sở chỉ hoạt động 80% công suất, khi cơ sở hoạt động 100% công suất thì lưu lượng xả lớn nhất là 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm

**5. Thông tin khác của cơ sở**

Không có

## **CHƯƠNG II SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG**

### **1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.**

Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tầm nhìn và mục tiêu cụ thể như sau:

- Về tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn của nhân dân; đa dạng sinh học được giữ gìn, bảo tồn, đảm bảo cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội hài hòa với thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, cacbon thấp được hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu trung hòa cacbon vào năm 2050.

- Về mục tiêu đến năm 2030: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường, ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, cacbon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững 2030 của đất nước.

Do đó, Cơ sở là phù hợp với chiến lược BVMT quốc gia.

- Cơ sở kiểm soát các nguồn phát sinh chất thải phù hợp với Kế hoạch thực hiện chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Hà Nội được UBND thành phố Hà Nội phê duyệt Kế hoạch số 221/KH-UBND ngày 21/12/2015;

- Phù hợp với công văn số 554/QĐ-TTg ngày 06/04/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch cấp nước Thủ đô Hà Nội, mục tiêu của thành phố Hà Nội là nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, đảm bảo cấp nước an toàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu để cấp nước.

- Phù hợp với chứng nhận đầu tư số 03121000220 do UBND tỉnh Hà Tây cấp chứng nhận lần đầu ngày 22/04/2008.

### **2. Sự phù hợp của cơ sở đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường**

*- Đối với nước thải:*

Quá trình vận hành hoạt động của Cơ sở, nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý tại Cơ sở đảm bảo đạt QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cột C và nước thải rửa lọc đảm bảo đạt QCVN 40:2025/BTNMT cột C trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước của khu vực.

Hiện trạng hệ thống thu gom, thoát nước của khu vực trước đây là kênh tiêu thoát nước nội đồng, tuy nhiên hiện trạng đã bị cố cứng hoá do khu vực xung quanh không còn đất nông nghiệp. Do đó, lưu lượng và chất lượng nước thải của Cơ sở tác động đến khả năng tiêu thoát nước thải của nguồn tiếp nhận là không đáng kể.

- Đối với chất thải rắn:

+ Chất thải rắn thông thường: rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh tại Cơ sở được thu gom, lưu trữ và quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường và Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường. Chủ cơ sở đã ký hợp đồng dịch vụ vệ sinh môi trường để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn thông thường phát sinh.

+ Chất thải nguy hại: Chủ cơ sở đã bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại và thu gom phân loại và quản lý theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chủ cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh.

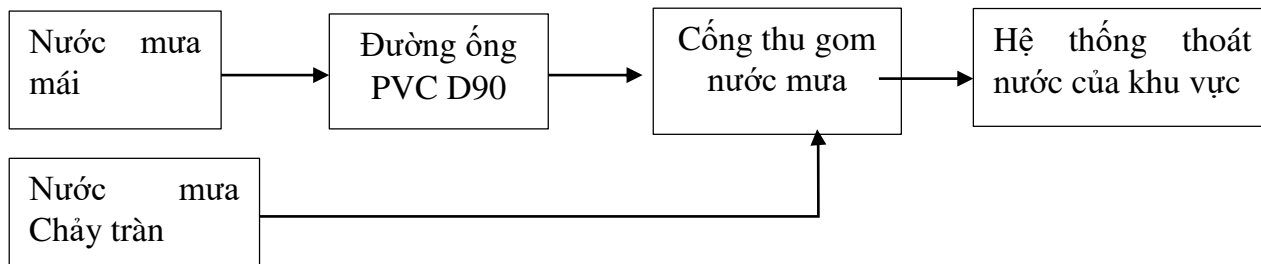
### CHƯƠNG III KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

#### 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

##### 1.1. Công trình thu gom, thoát nước mưa

Nước mưa phát sinh tại cơ sở bao gồm nước mưa mái và nước mưa chảy tràn. Hệ thống thu gom nước mưa được xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.

Sơ đồ thu gom nước mưa tại cơ sở như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước mưa

##### **Thuyết minh:**

Nước mưa từ mái của các khối nhà văn phòng, mái che khu vực trạm xử lý nước cấp được thu gom theo đường ống PVC D90 xuống hệ thống thoát nước mưa chảy tràn.

Nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ của cơ sở được thu gom theo độ dốc bề mặt sau đó chảy vào hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn.

Hệ thống thoát nước mưa chảy tràn được xây dựng bằng rãnh thoát nước bằng gạch kích thước rộng x sâu 20 x 20cm bố trí xung quanh cơ sở.

Toàn bộ nước mưa tại cơ sở được xả ra mương thoát nước chung của khu vực qua 01 điểm xả tách riêng với điểm xả nước mưa.

- Tọa độ vị trí xả nước mưa (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiều  $3^0$ ): X = 2326046; Y = 564512.

Bảng 3. 1. Kích thước, thông số kỹ thuật hệ thống thu thoát nước mưa của cơ sở

TT	Hạng mục	Đơn vị	Giá trị
1	Ống PVC D90	M	20
2	Rãnh thoát nước 20x20cm.	M	145

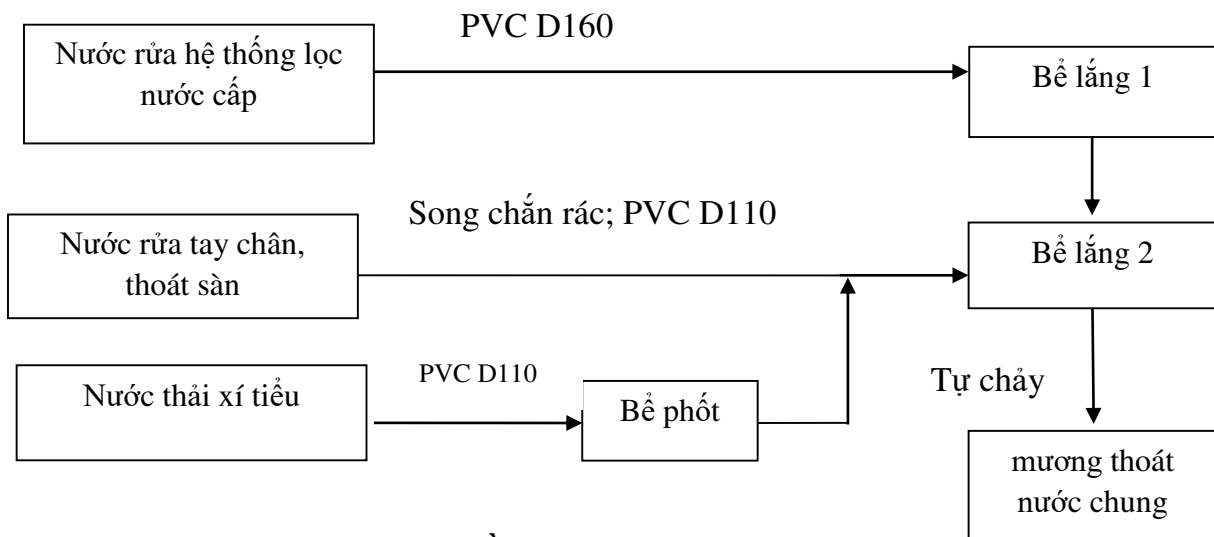
##### 1.2. Công trình thu gom, thoát nước thải

###### ***\*) Công trình thu gom, thoát nước thải hiện trạng của cơ sở***

Nước thải phát sinh tại cơ sở bao gồm:

- Nước thải xí tiều;
- Nước thải rửa chân tay, thoát sàn
- Nước rửa hệ thống lọc nước;

Cơ sở đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước thải, cụ thể như sau:



**Hình 3. 2. Sơ đồ thu gom, thoát nước nước thải**

*Thuyết minh sơ đồ thu gom:*

Nước thải rửa hệ thống lọc nước cấp được thu gom theo đường ống PCV D160 chảy về bể bể lắng 1 của hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải xí tiêu phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom trong đường ống PVC D110 xuống bể tự hoại 3 ngăn có dung tích 3m<sup>3</sup> để xử lý. Nước sau xử lý cũng được dẫn bằng đường ống PVC D110 cùng với nước rửa tay chân thoát sàn chảy về bể lắng 2 của hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải rửa tay chân thoát sàn được thu gom theo đường ống PCV D90 cùng với nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại chảy về bể lắng 2 của hệ thống xử lý nước thải.

Toàn bộ nước thải được dẫn về bể xử lý nước thải gồm 02 bể lắng, bể lắng số 1 kích thước Dài x rộng x sâu: 12 x 11 x 1,5m thể tích 196 m<sup>3</sup>, nước sau khi lắng tại bể lắng 1 sẽ chảy theo đường ống PVC D110 về bể lắng số 2 kích thước 14 x 14 x 0,8 m, thể tích 156 m<sup>3</sup> để xử lý, nước thải sau xử lý chảy tràn theo đường ống PVC D110 ra mương thoát nước chung của khu vực qua 01 điểm xả tách riêng với điểm xả nước mưa.

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là mương thoát nước chung của khu vực phía Đông khu đất dự án, mương có chức năng tiêu thoát nước mưa, nước thải cho phạm vi dự án và khu vực xung quanh, không có chức năng tưới tiêu.

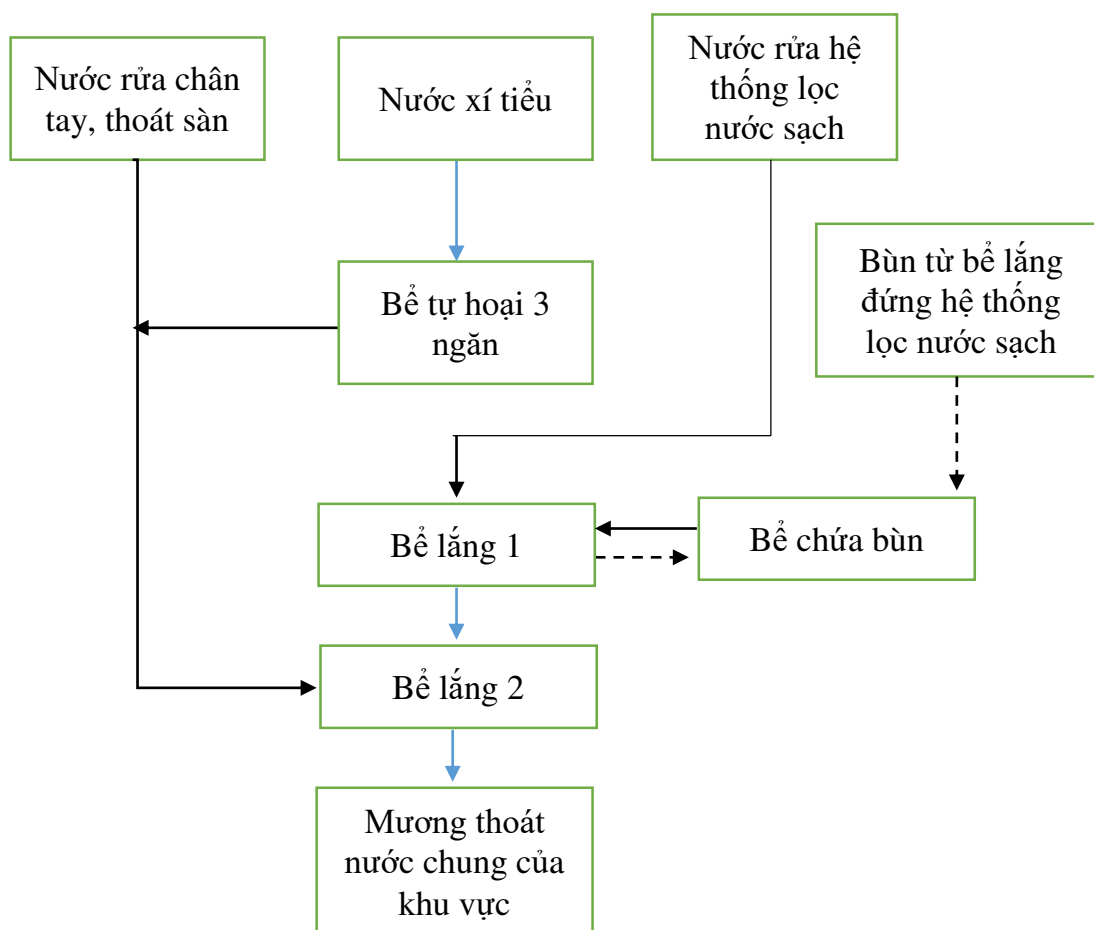
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X = 2326047; Y = 564510.

#### **1.4. Xử lý nước thải**

Nước thải phát sinh tại cơ sở chủ yếu là nước rửa hệ thống lọc nước cấp với thành

phần chủ yếu là bùn thải, chất rắn lơ lửng và một phần nhỏ nước thải sinh hoạt với lưu lượng rất thấp nên cơ sở sử dụng phương pháp lắng với thời gian lưu nước lâu trong vòng 1 ngày đảm bảo xử lý được toàn bộ nước thải phát sinh. Ngoài ra trong quá trình xử lý nước cấp cơ sở có bổ sung PAC để tăng hiệu quả lắng nên khi tiến hành rửa lọc nước thải rửa lọc vẫn còn PAC nên sẽ giúp tăng hiệu quả xử lý nước thải.

Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải rửa lọc và nước thải sinh hoạt. Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải của Cơ sở như sau:



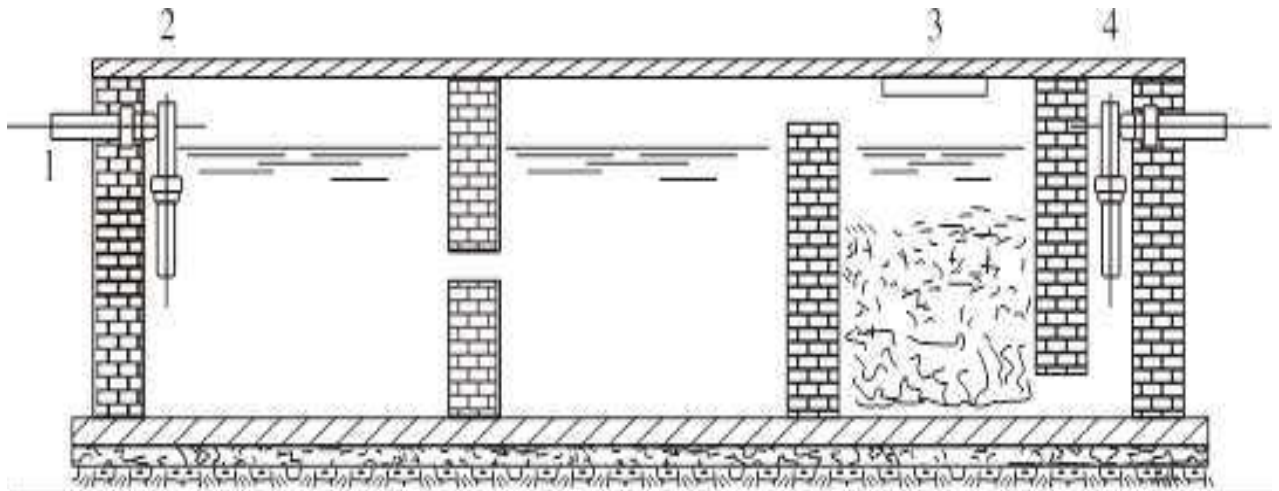
**Hình 3. 3. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của cơ sở**

*Thuyết minh quy trình xử lý nước thải:*

**\*) Bể tự hoại**

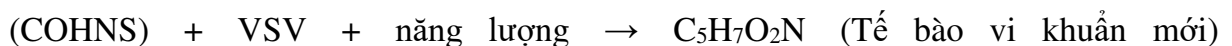
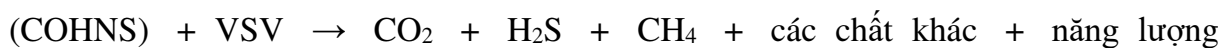
Nước thải sinh hoạt từ các chậu xí, tiểu nhà vệ sinh được xử lý tại bể tự hoại 3 ngăn (Bể phốt) thể tích 3 m<sup>3</sup> để xử lý. Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại là xử lý cơ học kết hợp xử lý sinh học. Cặn lắng được giữ lại trong bể, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ bị phân huỷ, một phần tạo thành chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hoà tan.

Nước thải ở trong bể một thời gian dài để đảm bảo hiệu suất lắng cao rồi mới chuyển qua ngăn lọc và thoát ra ngoài đường ống dẫn. Mỗi bể tự hoại đều có ống thông hơi để giải phóng khí từ quá trình phân hủy.



**Hình 3. 4. Minh hoạ cấu tạo và cơ chế của bể tự hoại 3 ngăn**

Quá trình phân hủy chất hữu cơ của hệ vi sinh vật yếm khí rất phức tạp, tuy nhiên có thể đơn giản hóa quá trình phân hủy yếm khí bằng các phương trình như sau:



[ $\text{C}_5\text{H}_7\text{O}_2\text{N}$  là công thức hóa học thông dụng để đại diện cho tế bào vi khuẩn]

Hỗn hợp khí sinh ra thường được gọi là khí sinh học hay biogas, có thành phần: Methane ( $\text{CH}_4$ ): 55 – 65%; Carbon dioxide ( $\text{CO}_2$ ): 35 – 45%; Nitrogen ( $\text{N}_2$ ): 0 – 3%; Hydrogen ( $\text{H}_2$ ): 0 – 1% và Hydrogen Sulphide ( $\text{H}_2\text{S}$ ): 0-1%.

Quá trình phân hủy yếm khí được chia thành 3 giai đoạn chính:

- + Quá trình phân hủy các chất hữu cơ cao phân tử;
- + Quá trình tạo các axit;
- + Quá trình tạo methane.

Định kỳ, khoảng 1 năm/1 lần, Chủ cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng hút bùn bể phốt đem đi xử lý và bổ sung vi sinh cho bể để đảm bảo bể hoạt động ổn định. Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại sẽ chảy sang bể lắng 2 của hệ thống xử lý nước thải để xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

\* *Bể lắng 1, 2:*

Tại bể lắng diễn ra quá trình lắng các chất lơ lửng có trong nước thải, dưới tác dụng của trọng lực cặn sẽ lắng xuống đáy. Lượng chất rắn lơ lửng sẽ giảm khoảng 80% - 85% kéo theo các loại tạp chất (bao gồm cả các thành phần chứa nitơ, photpho, chất hữu cơ...). Nước trong sẽ được chảy ra ngoài môi trường. Bể lắng 1 có thể tích 164 m<sup>3</sup>

đảm bảo lưu giữ nước thải trong vòng 1 ngày để lắng cặn trước khi mở van xả sang bể lắng 2 để tiếp tục lắng cặn trước khi xả ra ngoài môi trường.

*\* Xử lý bùn*

Bùn thu được tại bể lắng 1 định kỳ 1 tuần/lần hút về bể chứa bùn để lưu giữ, bùn từ bể lắng đứng của hệ thống lọc nước cấp định kỳ 3 ngày/lần sẽ xả về bể chứa bùn, phần nước sau khi nén bùn được bơm về bể lắng 1 để xử lý.

Đối với bùn thải từ bể lắng 2 khối lượng thấp do phần lớn đã được xử lý tại bể lắng 1, do đó đối với bùn từ bể lắng 2, định kỳ 6 tháng/lần cơ sở sẽ vệ sinh sau đó bơm hút nước về bể lắng 1 để xử lý.

Và định kỳ 1 năm/lần cơ sở sẽ thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn từ bể chứa bùn và bùn từ bể tự hoại.

**Thông số kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải:**

**Bảng 3. 2. Kích thước các bể hệ thống xử lý nước thải**

<b>TT</b>	<b>Tên bể</b>	<b>Thể tích (m<sup>3</sup>)</b>
1	Bể Tự hoại	3
2	Bể lắng 1	196
3	Bể lắng 2	156
4	Bể chứa bùn	648

*1.3.2. Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải*

Quá trình rửa hệ thống lọc nước được diễn ra tự động theo chu trình được cài đặt sẵn. Nước rửa lọc được thu gom về bể lắng 1. Tại bể lắng 1 có 6 cửa xả nước trong sau khi lắng sang bể lắng 2, mỗi cửa xả có độ chênh nhau khoảng 15 cm, các cửa xả này có van mở bằng tay tùy theo mực nước trong bể lắng. Hằng ngày đầu giờ sáng công nhân vận hành sẽ mở van xả nước từ bể lắng 1 sang bể lắng 2 trước khi tiến hành rửa lọc. Sau khi đã xả hết phần nước trong sang bể lắng 2, công nhân sẽ khoá van kết nối giữ bể lắng 1 và bể lắng 2 để tiến hành rửa lọc.

Toàn bộ nước rửa lọc sẽ được lưu giữ trong bể lắng 1 trong vòng 24h để lắng cặn. Đảm bảo nước thải có đủ thời gian để lắng cặn trước khi xả ra ngoài môi trường. Chu trình lặp lại ngày hôm sau.



**Bể lắng 1**



**Bể lắng 2**



**Bể chứa bùn**



**Mương tiếp nhận**

## **2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải**

Do đặc thù dự án là cơ sở xử lý nước sạch nên bụi khí thải chủ yếu phát sinh từ các nguồn sau:

- + Phương tiện giao thông ra vào cơ sở
- + Khu vực tập kết rác

### **2.1. Biện pháp không chế mùi từ khu vực nhà vệ sinh và khu tập kết CTR sinh hoạt**

Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp để giảm thiểu mùi hôi phát sinh tại khu nhà vệ sinh và tập kết rác thải sinh hoạt như sau:

- Quy định thải chất thải rắn sinh hoạt được đơn vị vệ sinh môi trường đô thị cuối ngày đi thu gom rác vận chuyển đi xử lý, không lưu trữ quá 24 giờ, tránh việc tạo điều kiện cho việc phát sinh mùi và nước rỉ rác từ khu tập kết rác thải sinh hoạt.

- Khu tập kết rác thải được bố trí ở vị trí thông thoáng và thường xuyên được vệ sinh ngay sau khi đơn vị vận chuyển, thu gom đem rác đi xử lý.

- Yêu cầu nhân viên vệ sinh quét dọn khu vực tập kết rác, phòng vệ sinh.

## **2.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu mùi từ phương tiện giao thông**

- Các phương tiện ra, vào cơ sở tuân thủ theo đúng quy định;
- Vệ sinh khu vực sân đường nội bộ hàng ngày để giảm phát tán bụi;
- Các phương tiện vận chuyển thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng đảm bảo hoạt động tốt.

- Các phương tiện vận chuyển nguyên, vật liệu ra vào cơ sở cần được che chắn cẩn thận.

- Vôi sống được đóng gói trong các thùng kín trước khi bốc dỡ để ngăn bụi phát sinh trong quá trình vận chuyển, bốc dỡ.

## **3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường**

### **3.1. Chất thải rắn sinh hoạt**

#### **➤ Nguồn phát sinh**

Tại cơ sở không bố trí nhà ăn nhà bếp, công nhân tự túc ăn uống bên ngoài nên rác thải phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở rất ít chủ yếu bao gồm thức ăn thừa, vỏ hoa quả, bao bì thực phẩm... và rác thải tái chế như: Vỏ lon, chai nhựa, bìa carton, giấy vụn....

Khối lượng rác thải phát sinh trong năm 2025 của cơ sở khoảng 1 m<sup>3</sup>/năm tương đương với khoảng 0,48 tấn/năm khoảng 1,3 kg/ngày.

Trong đó khối lượng rác thải sinh hoạt chiếm khoảng 80% tương đương với khoảng 1,04 tấn/năm.

Khối lượng rác thải tái chế khoảng 20% tương đương với 0,26 kg/ngày.

#### **➤ Công trình, biện pháp xử lý**

Rác thải được lưu giữ trong 2 thùng chứa rác dung tích 120 lít bao gồm 1 thùng chứa rác sinh hoạt, 1 thùng chứa rác tái chế.

Cuối ngày đến giờ đổ rác của khu dân cư sẽ có xe rác của Công ty môi trường đô thị đến thu gom đi xử lý.

### **3.2. Chất thải rắn thông thường**

#### **➤ Nguồn phát sinh**

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải
- Bùn thải từ bể tự hoại
- Vật liệu lọc từ hệ thống lọc nước

#### **➤ Thành phần, khối lượng**

+ Vật liệu lọc nước: Do hệ thống có cơ chế rửa ngược nên tần suất thay vật liệu

lọc từ 4 – 5 năm tùy vào thời gian hoạt động. Khối lượng thay thế khoảng 9 m<sup>3</sup>/bể. Khối lượng sẽ được vận chuyển cùng với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải và bể tự hoại.

+ Bùn thải từ bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải, hệ thống lọc nước cấp: Hằng năm cơ sở thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn từ bể tự hoại và bùn từ hệ thống xử lý nước thải với tần suất 1 lần/năm.

+ Theo hoá đơn hút bùn năm 2025 thì khối lượng bùn phát sinh tại cơ sở là 1.000 kg/năm.

➤ *Biện pháp thu gom, lưu giữ:*

- Bùn từ hệ thống xử lý nước thải và hệ thống lọc nước cấp được lưu giữ trong bể chứa bùn có thể tích 648 m<sup>3</sup>.

- Cơ sở đã ký hợp đồng số 000496/2024/HĐCNK ngày 01/10/2024 và phụ lục hợp đồng số 000496/2024/HĐCNDT ngày 01 tháng 11 năm 2024 với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn định kỳ hằng năm đến thu gom đi xử lý.

#### **4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại**

##### **4.1. Lượng phát sinh chất thải nguy hại**

➤ *Nguồn phát sinh*

- Chất thải rắn nguy hại từ sinh hoạt nhân viên
- Từ quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị như máy bơm...

➤ *Thành phần và khối lượng*

Do loại hình của cơ sở là nhà máy xử lý nước nên chất thải nguy hại phát sinh không nhiều và không đa dạng. Máy móc thiết bị tại cơ sở khi có sự cố hỏng sẽ được mang ra bên ngoài sửa, không sửa chữa tại cơ sở nên thành phần chủ yếu bóng đèn huỳnh quang thải bỏ, gang tay dính dầu mỡ, pin, ác quy thải, thiết bị điện tử thải...khối lượng chất thải nguy hại phát sinh năm 2025 theo chứng từ thu gom vận chuyển xử lý rác thải nguy hại như sau:

**Bảng 3. 3. Lượng chất thải nguy hại phát sinh**

<b>TT</b>	<b>Chất thải</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Số lượng (kg/năm)</b>	<b>Mã CTNH</b>
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	11	18 02 01
2	Pin, ác quy thải	Rắn	2	16 01 12
3	Linh kiện điện tử	Rắn	3	16 01 13
<b>Tổng</b>			<b>16</b>	

*Nguồn: Chứng từ chất thải nguy hại*

#### **4.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu chứa chất thải nguy hại**

- Chủ cơ sở đã bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại với diện tích khoảng 6m<sup>2</sup> kho có kết cấu tường bằng tôn, nền bê tông chống thấm, mái tôn, bên ngoài có gắn biển, dán nhãn cảnh báo theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Bên trong kho CTNH cơ sở bố trí 04 thùng chứa rác dung tích 90 lít bằng nhựa, có nắp đậy để thu gom, lưu giữ và phân loại rác thải nguy hại. Các thùng đều được dán mã CTNH, tên CTNH theo đúng quy định.

Cơ sở đã ký hợp đồng số 000496/2024/HĐCNK ngày 01/10/2024 với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn kỳ đến thu gom đi xử lý khi nào đầy hoặc lưu giữ tối đa không quá 1 năm theo quy định.

#### **Hình ảnh kho chứa CTNH của cơ sở:**



**Thùng chứa CTNH**



**Kho chứa CTNH**

#### **5. Công trình biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

Do đặc thù của cơ sở là nhà máy nước sạch nên ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác là không lớn, chủ yếu từ hệ thống máy bơm, giao thông ra vào cơ sở. Chủ cơ sở đã áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

***Giảm thiểu tác động từ phương tiện giao thông***

- Quy định tốc độ ra vào cơ sở đối với các phương tiện giao thông.
- Yêu cầu các phương tiện giao thông không được sử dụng còi trong khu vực tầng hầm để xe và khu vực cơ sở

- Cử bảo vệ phân luồng giao thông vào các giờ cao điểm

### ***Giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ máy bơm***

- Các máy bơm nước đều được lắp đặt thêm đệm cao su để giảm thiểu độ rung, trạm bơm cấp 2 được bố trí tại phòng riêng để giảm thiểu tiếng ồn.
- Thường xuyên kiểm tra máy móc, tra dầu, thay thế chi tiết hỏng, để giảm thiểu tiếng ồn độ rung

## **6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường**

### **6.1. Đối với hệ thống xử lý nước thải:**

- Bố trí nhân viên có chuyên môn vận hành hệ thống xử lý nước thải. Vận hành hệ thống xử lý theo đúng quy trình.
- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng máy bơm bùn của hệ thống xử lý.
- Từ khi đi vào hoạt động đến nay, hệ thống xử lý nước thải của cơ sở chưa xảy ra sự cố nào.

Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải có thể phát sinh một số sự cố như sau:

#### ***❖ Sự cố hệ thống thu gom nước thải về trạm xử lý***

Nguyên nhân: Do vỡ đường ống, tắc nghẽn đường ống

Cách khắc phục: Thường xuyên kiểm tra định kỳ các đường ống thu gom nước nếu có dấu hiệu của nứt, vỡ, tắc nghẽn cần có biện pháp xử lý ngay tránh để nước thải phát sinh ra môi trường.

#### ***❖ Sự cố hỏng thiết bị:***

- Sự cố bơm bùn:

+ Hỏng bơm bùn. Tại bể lắng 1 của hệ thống xử lý nước thải cơ sở có bố trí bơm bùn di động để bơm bùn từ bể lắng về bể chứa bùn. Để giảm thiểu sự cố hỏng bơm cơ sở thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng.

### **6.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố khi hệ thống xử lý nước sạch và cấp nước cho người dân gặp vấn đề**

- Thường xuyên kiểm tra chất lượng nước sạch cấp cho người dân sử dụng theo hướng dẫn tại thông tư 52/2024/TT-BYT về Ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ngày

31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Y tế và QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Thường xuyên duy trì, vận hành trạm sản xuất nước theo đúng thiết kế.
- Bảo dưỡng, kiểm tra, phát hiện các máy móc hỏng hóc để kịp thời sửa chữa, thay thế.
- Trong trường hợp xảy ra sự cố phải dừng hoạt động sản xuất nước và dừng cấp nước sạch cho người dân thì phải thông báo kịp thời đến tất cả người dân để biết. Phối hợp với các đơn vị cấp nước khác dùng xe cấp nước lưu động đến người dân trong thời gian có sự cố. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan chuyên môn để khắc phục, giải quyết sự cố.
- Tiến hành đền bù các thiệt hại về sức khỏe và kinh tế của người dân trong trường hợp nguồn nước cấp không đạt quy chuẩn của Bộ Y tế theo đúng các quy định của pháp luật.

**Bảng 3. 4. Các sự cố và biện pháp phòng ngừa ứng phó đối với hệ thống xử lý và cấp nước sạch**

TT	Hạng mục	Nội dung	Biện pháp kiểm soát, khắc phục sự cố
1	Nguồn cấp nước	Suy giảm trữ lượng nguồn	Đo mực nước động, tĩnh, lưu lượng thường xuyên, lập biểu đồ theo dõi toàn bãi giếng. Đánh giá định kỳ hàng năm.
2		Chất lượng nước thay đổi đột ngột	Phân tích chất lượng nước định kỳ, khi thay đổi mùa, lập hồ sơ dữ liệu theo dõi.
3	Giếng	Mực nước tĩnh hạ thấp dần	Đo mực nước tĩnh thường xuyên, lập biểu đồ theo dõi. Giảm công suất khai thác giếng.
4		Mực nước động hạ thấp dần	Đo mực nước động hàng ngày, lập biểu đồ theo dõi. Giảm công suất khai thác. Kiểm tra đánh giá thực tế khi có báo cáo, đề xuất biện pháp xử lý triệt để.
5		Nước có cát	Kiểm tra hàm lượng cát, độ bồi định kỳ, giảm lưu lượng khai thác. Lập Kế hoạch thời rửa giếng.
6		Nước ô nhiễm do ứng ngập, ảnh hưởng của sinh hoạt	Kiểm tra hệ thống thoát nước đồng bộ, kết hợp vệ sinh hàng ngày phạm vi bảo vệ giếng. Thực hiện biện pháp truyền thông giáo dục cộng đồng dân cư bảo vệ hành lang công trình.
7		Chùn ống lọc	Quay Camera thực tế để sửa chữa, thổi rửa giếng.

TT	Hạng mục	Nội dung	Biện pháp kiểm soát, khắc phục sự cố
8		ống vách nghiêng	Xác định độ nghiêng bằng lòng xóc để căn chỉnh lại bơm.
9		Sụt lún bề mặt nền giếng	Bổ sung sỏi nhỏ chống sụt lún, đầm nền chặt ngay khi phát hiện.
10		ống dâng bị thủng	Kiểm tra, kiểm soát theo ca vận hành. Thực hiện khắc phục ngay khi phát hiện.
11		Tốc độ nước làm mát không đảm bảo	Kiểm tra kiểm soát lưu lượng vận hành hàng ngày. Lắp đặt ống bao cho động cơ khi cần thiết,
12	<b>Bơm giếng</b>	Cách điện động cơ suy giảm	Kiểm tra cơ điện 2 lần/ tháng. Lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ. Mua sắm bơm dự phòng
13		Các sự cố khác về bơm giếng	Lập Kế hoạch bảo dưỡng cơ điện hàng năm. Kiểm tra, vệ sinh cơ điện hàng tháng.
14	<b>Tuyến nước thô</b>	Vỡ ống, rò rỉ tại các điểm nối ống với các phụ kiện	Bảo dưỡng định kỳ van xả khi ( 6 tháng/ lần). Khắc phục ngay các sự cố.
15		Tiết diện ống nước thô, ống dâng bị thu hẹp do cặn bám	Thông tắc các đoạn, tuyến bị tắc
16		Sự cố van trên tuyến nước thô	Kiểm tra, vận hành bảo dưỡng định kỳ (3 tháng/ lần). Khắc phục các sự cố.
17		Hành lang an toàn của tuyến nước thô bị lấn chiếm	Theo dõi, phát hiện, xử lý
18	<b>Tháp phản ứng – Tháp oxy hóa - Bể lọc</b>	Dàn ống phân phối bị bít tắc	Thực hiện vệ sinh công nghệ, thông tắc hàng ngày, đại tu theo chu kỳ hàng năm. Khoan mở kích thước lỗ phun ( thực hiện 1 lần)
19		Sự cố van trên dàn mưa	Kiểm tra, vệ sinh bảo dưỡng hàng quý. Đề nghị và thay thế khi cần thiết.
20		Vỡ gãy sản đập, thấm rỉ thành bể	Khắc phục, sửa chữa các điểm bị sự cố
21		Bí tắc lớp vật liệu lọc	Theo dõi, quản lý hàng giờ chất lượng, hiệu quả bể lắng. Rửa bể ngay khi đạt giới hạn kiểm soát. Thực hiện Đại tu theo Kế hoạch.

TT	Hạng mục	Nội dung	Biện pháp kiểm soát, khắc phục sự cố
22		Hồng lớp đỡ vật liệu lọc	Khắc phục, sửa chữa, thay thế các tấm đỡ bị hỏng.
23		Chất lượng cát lọc không đảm bảo	Lập Kế hoạch Đại tu hàng năm. Kiểm tra, thay thế, bổ sung khi cần thiết
24		Hồng van xả, rửa	Kiểm tra, bảo dưỡng cơ điện hàng tháng. Báo cáo và khắc phục sự cố ngay khi phát hiện
25		Hồng bơm, thiết bị rửa bề mặt	Kiểm tra, bảo dưỡng cơ điện hàng tháng. Lập Kế hoạch bảo dưỡng cơ điện hàng năm. Thay thế thiết bị hỏng ngay khi phát hiện
26		Bể bị thấm rỉ	Khắc phục, sửa chữa các điểm bị sự cố
27		Hồng thiết bị điều khiển bể lọc	Kiểm tra liên hệ đơn vị có năng lực để thay thế thiết bị hỏng trong thời gian sớm nhất.
28		<b>Hệ thống định lượng Clo</b>	Rò rỉ khí Clo
29	Clorator không hoạt động		Kiểm tra, vệ sinh cơ điện hàng tháng. Lập Kế hoạch bảo dưỡng cơ điện hàng năm.
30	Van đầu bình Clo không mở được		Kiểm tra chất lượng khi nạp Clo, yêu cầu đơn vị cung cấp thay thế khi không đảm bảo.
31	Clo không thăng hoa do nhiệt độ thấp		Đổi bình Clo
32	Áp lực nước không đảm bảo		Theo dõi, quản lý hàng giờ. Vệ sinh bảo dưỡng cơ điện hàng tháng. Thực hiện Kế hoạch bảo dưỡng thiết bị hàng năm.
33	Hồng bơm cấp nước áp lực		Kiểm tra, bảo dưỡng cơ điện hàng tháng. Lập Kế hoạch bảo dưỡng cơ điện hàng năm. Thay thế thiết bị hỏng ngay khi phát hiện
34	<b>Bể chứa</b>	Tràn bể	Theo dõi, quản lý vận hành hàng giờ theo quy trình quy phạm. Giám lưu lượng nước thô hoặc tăng lượng nước cấp để ổn định bể chứa.
35		Bể chứa thấp	Theo dõi, quản lý vận hành hàng giờ theo quy trình quy phạm. Giám lưu lượng cấp nước để ổn định bể chứa.

TT	Hạng mục	Nội dung	Biện pháp kiểm soát, khắc phục sự cố
36		Nắp đậy, lỗ thông hơi hỏng	Kiểm tra, định kỳ 3 tháng/ lần. Sửa chữa, thay thế thiết bị hỏng.
37		Động vật ký sinh trùng	Thau rửa bể chứa. Kiểm tra nắp bể, ống thông hơi phải đảm bảo yêu cầu.
38		Nứt, vỡ bể	Khắc phục, sửa chữa các điểm bị sự cố.
39		Thoát nước bề mặt hỏng	Kiểm tra, xử lý thực tế ngay. Định kỳ kiểm tra 3 tháng/ lần và theo Kế hoạch PCBL
40	<b>Trạm bơm II</b>	Máy bơm kẹt, nóng ỏ trực	Bảo dưỡng cơ điện bơm mỡ ỏ trực định kỳ, thay thế ỏ bi theo yêu cầu kỹ thuật.
41		Động cơ bơm phân phối cháy	Kiểm tra, bảo dưỡng cơ điện hàng tháng. Kế hoạch bảo dưỡng cơ điện hàng năm. Sửa chữa, thay thế thiết bị hỏng.
42		Máy biến tần không hoạt động	Kiểm tra, bảo dưỡng cơ điện hàng tháng. Lập Kế hoạch bảo dưỡng cơ điện hàng năm. Thay thế thiết bị hỏng
43		Bơm hoạt động không đủ áp lực	Kiểm tra, bảo dưỡng cơ điện hàng tháng. Lập Kế hoạch bảo dưỡng cơ điện hàng năm. Kiểm tra, sửa chữa, khắc phục sự cố ngay khi phát hiện.
44		Sự cố hệ thống van 1 chiều, 2 chiều (van hút kẹt..)	Vệ sinh hàng ngày, bảo dưỡng định kỳ hàng tháng. Sửa chữa ngay khi có sự cố.
45		Rò rỉ đường ống hút, đẩy	Khắc phục, sửa chữa các điểm bị sự cố khi có báo cáo.
46		Sự cố bơm nước rò rỉ	Kiểm tra, bảo dưỡng cơ điện hàng tháng. Khắc phục sự cố ngay khi phát hiện.
47		Sự cố tủ điện	Kiểm tra, bảo dưỡng cơ điện hàng tháng. Kế hoạch bảo dưỡng cơ điện hàng năm. Sửa chữa, thay thế thiết bị hỏng.
48	<b>Hệ thống điện</b>	Nguồn cấp điện không đảm bảo, nháy điện, mất điện	Có kế hoạch làm việc cụ thể với ngành điện và kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng đường dây truyền tải, máy biến áp

TT	Hạng mục	Nội dung	Biện pháp kiểm soát, khắc phục sự cố
49		Điện áp cao	Có kế hoạch làm việc cụ thể với ngành điện và kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng đường dây truyền tải, máy biến áp. thông báo điện lực để căn chỉnh lại nguồn cấp điện.
50		Sự cố máy biến áp	Kiểm tra, bảo dưỡng cơ điện hàng tháng. Lập Kế hoạch bảo dưỡng cơ điện hàng năm. Sửa chữa, thay thế thiết bị hỏng ngay khi phát hiện.
51		Sét đánh thiết bị	Kiểm tra, vệ sinh, bảo dưỡng cơ điện hàng tháng. Lập Kế hoạch bảo dưỡng cơ điện hàng năm. Sửa chữa, thay thế thiết bị hỏng ngay khi phát hiện.
52		Nhà atômát tổng	Kiểm tra, bảo dưỡng cơ điện hàng tháng. Kiểm tra đánh giá thực tế để thay thế thiết bị hỏng để thay thế kịp thời.

### 6.3. Sự cố khu vực lưu giữ CTNH

- Sự cố làm rơi, vãi chất thải nguy hại: trong quá trình vận chuyển nếu làm rơi, vãi chất thải nguy hại thì sẽ gây ô nhiễm môi trường xung quanh đặc biệt khi chất thải nguy hại rơi xuống hệ thống cống thoát nước sẽ làm ô nhiễm nguồn nước. Do đó để giảm thiểu sự cố cơ sở đã yêu cầu nhân viên khi vận chuyển chất thải nguy hại phải được thực hiện bằng thùng kín có nắp đậy, không được vận chuyển quá đầy tránh rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

## 7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

### 7.1. Biện pháp ứng phó khi xảy ra sự cố tai nạn giao thông

#### ❖ Biện pháp phòng chống cháy nổ:

+ Đã lắp đặt hệ thống chống sét tại khu vực sản xuất và khu vực văn phòng. Bố trí các bể chứa nước, đường ống, các van cấp nước, bình chữa cháy, hệ thống báo cháy, hệ thống chữa cháy.

+ Kết cấu xây dựng là bê tông cốt thép, tường ngăn giữa các vị trí có công năng khác nhau là tường gạch đảm bảo ngăn cháy lan.

+ Các trang bị chữa cháy: thống bình bọt cầm tay, bình CO<sub>2</sub> được đặt tại các khu vực chính và khu phụ trợ.

Khi xảy ra sự cố, ưu tiên con người được đặt lên hàng đầu, mọi người di chuyển tới cửa thoát hiểm, đồng thời hệ thống báo cháy bật và hệ thống PCCC được sử dụng.

Hàng năm, tại công ty định kỳ kiểm tra hoạt động của các thiết bị PCCC, định kỳ tổ chức diễn tập PCCC để phòng ngừa và ứng phó các sự cố có khả năng xảy ra. Trong

thời gian tới, Chủ cơ sở tiếp tục thực hiện các kế hoạch, biện pháp đề ra. Tuyên truyền, nâng cao ý thức của công nhân trong công tác PCCC.

*\*) Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ*

- Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, thực hiện xử lý theo các bước cơ bản sau:

+ Xác định nhanh điểm cháy.

+ Báo động để mọi người biết.

+ Ngắt điện khu vực bị cháy.

+ Báo cho lực lượng PCCC đến.

+ Sử dụng các phương tiện PCCC sẵn có để dập cháy.

+ Cứu người bị nạn.

+ Di chuyển hàng hóa, tài sản và các chất cháy ra nơi an toàn: bảo vệ và tạo khoảng cách chống cháy lan.

*❖ Biện pháp giảm thiểu tai nạn giao thông*

Các biển báo, chỉ dẫn tuyến đường gần cơ sở.

Tránh phương tiện ra vào, vận chuyển, dừng đỗ gần cơ sở vào giờ cao điểm.

Giáo dục công nhân tham gia giao thông đúng luật, đúng quy tắc tránh ùn tắc giao thông.

Giảm thiểu bụi tiếng ồn... để tránh giảm tầm nhìn hay mất tập trung của người tham gia giao thông khi đi qua khu vực cơ sở.

*❖ Biện pháp phòng chống dịch bệnh*

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho các cán bộ nhân viên làm việc tại cơ sở.

- Định kỳ hàng ngày vệ sinh sạch sẽ các khu vực công cộng của cơ sở.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền nâng cao ý thức giữ gìn vệ sinh, tuân thủ vệ y tế cho cán bộ công nhân viên.

- Ký hợp đồng với các cơ sở y tế có đầy đủ chức năng để cung cấp các dịch vụ y tế khi có nhu cầu.

- Phối hợp với các cơ sở y tế, bệnh viện,... để nắm bắt tình hình dịch bệnh tại khu vực và có biện pháp phòng tránh hữu hiệu.

**8. Các nội dung thay đổi so với giấy xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn giản**

Trong quá trình hoạt động cơ sở có một số thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường đơn giản cụ thể như sau:

TT	Nội dung	Theo Đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Thực tế	Ghi chú
1	Quy trình xử lý nước cấp	Giếng khoan → Tháp làm thoáng + bể trộn → Bể lắng đứng + bể phản ứng → Thiết bị lọc nhanh trọng lực → Bể chứa nước sạch → trạm bơm cấp 2	Giếng khoan → Dàn mưa → Bể phản ứng → Bể lắng đứng → Bể lọc đa tầng → Bể trung chuyển → bể chứa nước sạch → Trạm bơm cấp 2	- Cơ sở thay tháp làm thoáng + bể trộn thành dàn mưa. Dàn mưa có hiệu quả giải phóng CO <sub>2</sub> và Oxi hoá Fe, Mn tốt hơn tháp làm thoáng giúp tăng hiệu quả xử lý nước thải - Cơ sở bổ sung bể chung truyền có tác dụng tận dụng nước tại bể trung chuyển để rửa lọc 12 bể lọc đa tầng thay vì lấy nước tại bể chứa nước sạch. Bể trung chuyển có tác dụng tuần hoàn 50% lượng nước sạch lại bể lắng đứng để khử Amoni giúp tăng hiệu quả xử lý nước cấp.
2	Quy trình xử lý nước thải	Nước thải sản xuất → Bể lắng 1 → bể lắng lamen → bể lắng 2 → Nguồn tiếp nhận	Nước thải sản xuất → bể lắng 1 → bể lắng 2 → Nguồn tiếp nhận	- Cơ sở đã chuyển bể lắng lamen thành bể chứa bùn để lưu giữ bùn thải - Bể lắng 1 của cơ sở được xây dựng với thể tích lớn đủ lưu giữ nước thải trong vòng 1 ngày để lắng nên đảm bảo thời gian lắng và hiệu quả lắng do đó không cần dùng đến bể lắng lamen.
3	Công suất khai thác nước	4 giếng khoan với công suất tối đa 1.600 m <sup>3</sup> /ngày.đêm	3 giếng khoan công suất tối đa 2.900 m <sup>3</sup> /ngày.đêm	Giảm 1 giếng khai thác. Công suất khai thác đã được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất số 38/GP-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2023
4	Diện tích cơ sở	2.998,4 m <sup>2</sup>	4.253,9 m <sup>2</sup>	Diện tích tăng lên hiện đang để trống để làm sân đường và dự phòng mở rộng nhà máy sau này.

**Nhận xét:**

Các thay đổi trên của cơ sở đều không làm tăng tác động xấu đến môi trường, giúp tăng hiệu quả xử lý nước cấp và vẫn đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải do đó cơ sở xin điều chỉnh trong hồ sơ giấy phép môi trường.

## CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

#### 1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn phát sinh nước thải tại cơ sở bao gồm các nguồn sau:

- + Nguồn số 01: Nước thải xí tiêu
- + Nguồn số 03: Nước thải thoát sàn và lavabo
- + Nguồn số 04: Nước rửa từ hệ thống lọc nước cấp
- + Nguồn số 05: Nước sau khi lắng từ quá trình xả bùn từ bể lắng đứng

#### 1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

1.2.1. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 34 m<sup>3</sup>/ngày.đêm, trong đó:

- Lưu lượng xả nước thải sinh hoạt lớn nhất là 0,2 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Lưu lượng rửa lọc lớn nhất là 30 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Lưu lượng nước sau khi lắng từ quá trình xả bùn từ bể lắng đứng: 3,8

m<sup>3</sup>/ngày.đêm

1.2.2. Dòng nước thải: 01 dòng nước thải chảy ra mương thoát nước chung của khu vực.

1.2.3. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương thoát nước chung của khu vực giáp phía Đông cơ sở thuộc địa bàn xã Tây Phương, thành phố Hà Nội.

1.2.4. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>): X = 2326047; Y = 564510.

1.2.4.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

1.2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục

1.2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn: QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung cột C và QCVN 40:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột C, cụ thể như sau:

**Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong dòng nước thải**

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	–	6 -	Không thực hiện quan trắc định kỳ (*)	Không thực hiện quan trắc tự động, liên tục (*)
2	BOD <sub>5</sub> (20 °C)	mg/l	≤50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	≤70		
4	COD	mg/l	≤90		
5	Sulfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	≤0,5		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	≤10		
7	Tổng N	mg/l	≤30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	≤20		
9	Chất hoạt động bề mặt Anion	mg/l	≤10		
10	Tổng P	mg/l	≤10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	≤5.000		
12	Fe	mg/l	≤10		
13	As	mg/l	≤0,25		
14	Mn	mg/l	≤10		

*Ghi chú: (\*)*: Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

## 2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

Do loại hình hoạt động của cơ sở là nhà máy nước sạch nên không phát sinh khí thải trong quá trình hoạt động vì vậy đề nghị không cấp phép đối với khí thải.

## 3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

### 3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực trạm bơm cấp II có tọa độ theo VN2000 kinh tuyến trực 105°00', múi chiều 3°: X = 2 324 728; Y = 589 102.

### 3.2. Giá trị giới hạn về tiếng ồn, độ rung

- Giới hạn về tiếng ồn:

+ Đến ngày 31/12/2026: QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung

+ Từ ngày 1/1/2027: và QCVN 26:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung thể như sau:

**Bảng 4. 2. Giá trị giới hạn về tiếng ồn đến ngày 31/12/2026**

TT	Giới hạn tối đa cho phép QCVN 26:2010/BTNMT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	<i>Khu vực thông thường</i>

**Bảng 4. 3. Giá trị giới hạn về tiếng ồn từ ngày 01/01/2027**

TT	Giới hạn tối đa cho phép QCVN 26:2025/BTNMT			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-18 giờ (dBA)	Từ 18-22 giờ (dBA)	Từ 22-6 giờ (dBA)		
1	70	65	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	<i>Khu vực E</i>

- Giới hạn về độ rung:

**Bảng 4. 4. Giá trị giới hạn về độ rung đến ngày 31/12/2026**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	<i>Khu vực thông thường</i>

**Bảng 4. 5. Giá trị giới hạn về độ rung từ ngày 01/01/2027**

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-22 giờ	Từ 22-6 giờ		
1	75	70	Không thuộc đối tượng phải thực hiện	<i>Khu vực D</i>

## **CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:**

Trong quá trình hoạt động, cơ sở luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Cơ sở đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Cơ sở đảm bảo nước thải đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Về chất thải rắn sinh hoạt, thông thường: Cơ sở tuân thủ quy định về thu gom và phân loại rác thải. Rác thải thu gom và lưu giữ vào các thùng rác bao gồm rác thải sinh hoạt như thức ăn thừa, vỏ hoa quả... được lưu giữ vào thùng riêng, rác thải tái chế như giấy vụn, vỏ lon, chai nhựa được lưu giữ riêng. Cuối ngày sẽ có xe rác của Công ty môi trường đô thị đến thu gom đi xử lý.

- Đối với chất thải nguy hại: Do đặc thù là nhà máy nước sạch, nên khối lượng chất thải nguy hại phát sinh rất ít chủ yếu là bóng đèn, giẻ lau từ quá trình bảo dưỡng thiết bị của hệ thống lọc nước cấp, pin, thiết bị điện tử thải... cơ sở đã bố trí 01 kho chứa CTNH để thu gom lưu giữ rác thải nguy hại. Kho được bố trí thùng chứa, có mái che, dán biển cảnh báo theo đúng quy định của pháp luật. Cơ sở đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến thu gom đi xử lý với tần suất 1 lần/năm hoặc khi nào khối lượng đủ lớn theo đúng quy định.

- Hằng năm, cơ sở lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đúng quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, hệ thống lọc nước cấp vận hành hệ thống thường xuyên đúng quy trình chuyên gia. Cơ sở chưa xảy ra sự cố nào trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và hệ thống lọc nước cấp.

### **2. Kết quả hoạt động của công trình xử lý nước thải:**

Trong thời gian vừa qua, do cơ sở phải tập trung xây dựng đường ống cấp nước cho các hộ dân thuộc địa bàn xã Tây Phương, cải tạo xây dựng mới hệ thống cấp nước, tập trung đảm bảo nguồn nước sử dụng cho người dân nên cơ sở chưa thực hiện quan trắc nước thải định kỳ. Do đó, trong quá trình lập hồ sơ Giấy phép môi trường Cơ sở đã phối hợp với đơn vị quan trắc lấy mẫu bổ sung vào 3 ngày 27, 28, 29 tháng 10 năm 2025. Kết quả quan trắc nước thải của cơ sở như sau:

**Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc nước thải**

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			QCTĐHN 02:2014/ BTNMT	QCVN 14:2008/ BTNMT
			27/10	28/10	29/10	Cột B- Cmax	Cột B, K=1,2
1.	pH <sup>(a)</sup>	-	7,67	7,56	7,93	5,5 ÷ 9	5 ÷ 9
2.	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) <sup>(a)</sup>	mg/L	239	124	97	-	1.200
3.	Độ màu <sup>(a)</sup>	Pt/Co	13	10	KPH (MDL=5)	150	-
4.	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(a)</sup>	mg/L	1,5	1,5	1,3	54	60
5.	Nhu cầu oxi hóa học (COD) <sup>(a)</sup>	mg/L	7	4,2	7	162	-
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(a)</sup>	mg/L	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	4,6	108	120
7.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> _N) <sup>(a)</sup>	mg/L	2,45	1,52	1,54	10,8	12
8.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> _N) <sup>(a)</sup>	mg/L	1,53	1,34	0,06	-	60
9.	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> _P) <sup>(a)</sup>	mg/L	0,024	0,03	KPH (MDL=0,01)	-	12
10.	Sunfua (S <sup>2-</sup> ) <sup>(a)</sup>	mg/L	0,06	0,173	0,03	0,54	4,8
11.	Sắt (Fe) <sup>(a)</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	0,187	5,4	-
12.	Asen (As) <sup>(a)</sup>	mg/L	0,0046	0,0014	0,0014	0,108	-
13.	Đồng (Cu) <sup>(a)</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	2,16	-
14.	Mangan (Mn) <sup>(a)</sup>	mg/L	0,088	0,06	0,03	1,08	-
15.	Tổng dầu, mỡ khoáng <sup>(a)</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,3)	0,44	0,44	10,8	-
16.	Dầu mỡ động, thực vật <sup>(a)</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	-	24
17.	Chất hoạt động bề mặt <sup>(a)</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	-	12
18.	Coliform <sup>(a)</sup>	MPN/100 mL	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	5.000	5.000

❖ **Vị trí lấy mẫu:**

- NT: Mẫu nước thải sau xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường

❖ **Tiêu chuẩn so sánh:**

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Nước thải Công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

❖ **Nhận xét:**

Qua kết quả phân tích nhận thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép, như vậy hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đang hoạt động ổn định, đảm bảo xử lý nước thải đạt Quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

**3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:**

Do đặc thù loại hình hoạt động của cơ sở là nhà máy nước sạch không phát sinh khí thải, trong hồ sơ môi trường đã được phê duyệt cơ sở không thuộc đối tượng quan trắc bụi, khí thải

**4. Kết quả thu gom, xử lý chất thải (đối với cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải):**

Cơ sở không thuộc loại hình dịch vụ xử lý chất thải nên không đánh giá

**5. Kết quả nhập khẩu và sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (đối với cơ sở sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất):**

Cơ sở không sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu nên không đánh giá

**6. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:**

**6.1 Đối với chất thải thông thường**

Khối lượng chất thải thông thường cơ sở chuyên giao xử lý trong năm 2025 như sau:

TT	Loại rác thải	Khối lượng kg/năm	Đơn vị xử lý
1	Bùn thải từ bể tự hoại và hệ thống xử lý nước thải, hệ thống lọc nước cấp	1.000	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.000</b>	

**6.2. Đối với chất thải nguy hại**

Khối lượng Chất thải nguy hại cơ sở chuyên giao cho đơn vị có chức năng xử lý trong năm 2024 như sau:

TT	Chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Đơn vị xử lý
1	Pin, ắc quy thải	2	16 01 12	Công ty Cổ phần Môi trường đô
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ	11	18 02 01	

TT	Chất thải	Số lượng (kg/năm)	Mã CTNH	Đơn vị xử lý
	lau, găng tay dính dầu			thị và công nghiệp Bắc Sơn
3	Linh kiện điện tử	3	16 01 13	
	<b>Tổng</b>	<b>16</b>		

**7. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:**

Năm 2024, cơ sở đã đón tiếp 01 đoàn kiểm tra của UBND huyện Thạch Thất theo Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 04/04/2024.

Căn cứ theo Văn bản số 18/TBKL-ĐKT ngày 29 tháng 10 năm 2024 của UBND huyện Thạch Thất về việc thông báo kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường và tài nguyên nước đối với Công ty TNHH thương mại Bình Dương thì cơ sở còn những hạn chế cần khắc phục như sau:

- Xử phạt vi phạm đối với không chuyển giao bùn lắng tại bể chứa bùn đi xử lý, không kê bờ, lót đáy bể chứa bùn.

Công ty đã khắc phục, đã thuê đơn vị đến hút bùn tại bể lắng đi xử lý theo đúng quy định và đã kê bờ, lót đáy bể chứa bùn. Công ty thực hiện nộp phạt theo đúng quy định (biên lại nộp phạt kèm theo phụ lục báo cáo).

- Chưa ký hợp đồng bàn giao chất thải rắn thông thường theo quy định. Cơ sở khắc phục và đã ký hợp đồng số 000496/2024/HĐCNK ngày 01/10/2024 và phụ lục hợp đồng số 000496/2024/HĐCNDT ngày 01 tháng 11 năm 2024 với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn đến thu gom bùn thải đi xử lý.

## **CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ**

### **1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cơ sở**

Cơ sở đã đi vào hoạt động và đã có các giấy phép môi trường thành phần như:

- Cơ sở đã được cấp Giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản tại giấy xác nhận số 176/GXN-UBND ngày 25/01/2018 do UBND huyện Thạch Thất cấp.

- Cơ sở đã được UBND thành phố cấp Giấy phép xả nước thải công trình thủy lợi số 333/GP-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2020, thời hạn 5 năm. Với lưu lượng tối đa là 40 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

Như vậy cơ sở không thay đổi công suất trạm xử lý nước thải, không thay đổi công nghệ hệ thống xử lý nước thải do đó không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường theo khoản 13 điều 1 nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi khoản 4 điều 31 nghị định 08/2022 của Chính phủ ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

### **2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật**

#### **2.1. Quan trắc định kỳ**

##### **2.1.1. Đối với nước thải**

Căn cứ theo khoản 46 điều 1 nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và và Phụ lục XXVIII Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, cơ sở có lưu lượng nước thải <500m<sup>3</sup>/ngày (24 giờ) nên không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ.

##### **2.1.2. Đối với khí thải**

Căn cứ theo Điều 98 và Phụ lục XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ do Cơ sở không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II và không phát sinh khí thải.

### **2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:**

#### **2.2.1. Đối với nước thải**

Căn cứ theo khoản 46 điều 1 nghị định số 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 97 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của

Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải do Cơ sở không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và nước thải của Cơ sở <1.000 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

### **2.2.2. Đối với khí thải**

Căn cứ theo Điều 98 và Phụ lục XXIX của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải do Cơ sở không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường và không phát sinh khí thải.

### **3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án.**

Không đề xuất

### **4. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.**

Tuân thủ theo quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 02 tháng 03 năm 2017 của UBND thành phố Hà Nội về việc ban hành bộ quy trình, định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá quan trắc, phân tích môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội.

## **CHƯƠNG VII CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ**

Trong quá trình thực hiện, Chủ cơ sở cam kết các vấn đề sau:

- Cam kết rằng những thông tin, số liệu nêu trên là đúng sự thực; nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Cam kết vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh được xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt cột C và nước thải rửa lọc đảm bảo đạt QCVN 40:2025/BTNMT cột C trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước của khu vực

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng chống sự cố môi trường trong giai đoạn vận hành của cơ sở.

- Cam kết áp dụng các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường.

Chủ cơ sở cam kết áp dụng các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Việt Nam về môi trường hiện hành bao gồm:

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

- QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

*Cam kết thực hiện các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường.*

Trong quá trình thực hiện, Chủ cơ sở cam kết thực hiện đầy đủ các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường như:

- Cam kết duy trì vận hành liên tục trạm xử lý nước thải đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Cam kết đền bù các thiệt hại ô nhiễm môi trường do Cơ sở gây ra theo Quy định của pháp Luật về bảo vệ môi trường;

- Chủ cơ sở cam kết thực hiện chương trình quan trắc định kỳ theo quy định.

- Chủ cơ sở cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam và không vi phạm các Công ước Quốc tế, các Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam, cam kết không để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

## **PHỤ LỤC BÁO CÁO**

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên
2. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
3. Hợp đồng thuê đất
4. Giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản
5. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước
6. Giấy phép khai thác nước dưới đất
7. Hợp đồng thu gom chất thải nguy hại
8. Chứng từ CTNH
9. Thông báo kết luận kiểm tra
10. Xác nhận nghiệm thu về PCCC
11. Hoá đơn tiền điện
12. Hoá đơn hút bùn bể tự hoại, bể bùn
13. Kết quả quan trắc
14. Bản vẽ sơ đồ thoát nước mưa, nước thải
15. Bản vẽ hệ thống xử lý nước thải

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 0500388782**

*Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 12 năm 2008*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 12 tháng 08 năm 2025*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH BÌNH DƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINH DUONG CLEAN WATER COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BINH DUONG CLEAN WATER CO., LTD

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Số nhà 47 đường Máy Nước, Thôn Miếu, Xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Điện thoại: 02433672281

Số Fax:

Thư điện tử: [nhamaynuochuubang@gmail.com](mailto:nhamaynuochuubang@gmail.com)

Website:

**3. Vốn điều lệ : 50.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Năm mươi tỷ đồng*

**4. Danh sách thành viên góp vốn**

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHAN THỊ LỐI	Việt Nam	Thôn Vĩnh Lộc 2, Xã Tây Phương, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	35.000.000.000	70,000	001157050270	



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ**

Số: 03121000 *220*

*Chứng nhận đầu tư lần đầu ngày 22 tháng 04 năm 2008*

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 19/11/2005;

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 về Quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính Phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước; Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 6/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 79 BC/KHĐT-ĐT ngày 07/3/2008, Bản đăng ký đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư và Hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH thương mại Bình Dương về việc đầu tư Dự án xây dựng hệ thống cấp nước và kinh doanh nước sạch xã Hữu Bằng,

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY**

Chứng nhận: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BÌNH DƯƠNG.**

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302000069 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp ngày 30/11/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 08/7/2005.

Đại diện bởi ông: **NGUYỄN ĐÌNH BÌNH;**

Chức vụ: Giám đốc;

Sinh ngày: 15/7/1954;

Dân tộc: Kinh;

Quốc tịch: Việt Nam;

Chứng minh nhân dân số: 111802820 do Công an tỉnh Hà Tây cấp ngày 11/12/2006.

Địa chỉ thường trú: Xóm ngã ba xã Hữu Bằng , huyện Thạch Thất.

Chỗ ở hiện tại: Xóm ngã ba xã Hữu Bằng , huyện Thạch Thất.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

**Điều 1. Tên dự án đầu tư: XÂY DỰNG HỆ THỐNG CẤP NƯỚC VÀ KINH DOANH NƯỚC SẠCH XÃ HỮU BẰNG.**

**Điều 2.** Mục tiêu và quy mô Dự án:

- Mục tiêu: Xây dựng hệ thống cấp nước và kinh doanh nước sạch xã Hữu Bằng.

- Quy mô Dự án: tối đa 4.400 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**Điều 3.** Địa điểm thực hiện dự án: xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất.

Diện tích đất sử dụng khoảng : 3000 m<sup>2</sup> (0,3 ha).

**Điều 4.** Tổng vốn đầu tư: 4.772 triệu đồng (bốn tỷ, bảy trăm bảy hai triệu đồng).

- Trong đó vốn góp thực hiện dự án là 4,772 tỷ đồng, góp bằng tiền mặt.

- Tiến độ góp vốn là 06 tháng kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

**Điều 5.** Thời hạn thực hiện dự án là 50 năm, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

**Điều 6.** Thực hiện dự án:

a) Tiến độ thực hiện kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư:

+ Từ tháng thứ 1 đến tháng thứ 2: Làm công tác chuẩn bị đầu tư.

+ Từ tháng thứ 3 đến tháng thứ 11: Xây dựng và lắp đặt thiết bị;

+ Tháng thứ 12: bắt đầu hoạt động;

Dự án này trước đây đã thực hiện bằng các nguồn vốn tài trợ, ngân sách và dân đóng góp. Giao UBND huyện Thạch Thất giải quyết các vấn đề tài chính có liên quan tới dự án cũ trước khi giao đất cho Công ty TNHH thương mại Bình Dương thực hiện dự án theo giấy chứng nhận đầu tư này.

b) Trong quá trình thực hiện dự án, Nhà đầu tư có trách nhiệm: Thực hiện các nghĩa vụ theo Điều 20 Luật Đầu tư; phải tuân theo đúng các quy định của Pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, tiêu chuẩn nước sinh hoạt, lao động, các quy định có liên quan khác của Pháp luật; chỉ được giao đất khi có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Pháp luật; thực hiện đúng các nghĩa vụ, trách nhiệm đối với địa phương.

Chỉ được chính thức sản xuất sau khi đã đầu tư hoàn chỉnh, đúng kỹ thuật các hạng mục xử lý môi trường, đảm bảo các chỉ tiêu quy định.

c) Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện dự án đúng các nội dung trong Giấy chứng nhận đầu tư. Nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng mục đích, quy mô, tiến độ như đã đăng ký đầu tư, hoặc khi có thay đổi mà không được sự chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền thì căn cứ các quy định của Pháp luật, Nhà đầu tư sẽ phải chịu hình thức thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư, thu hồi đất được giao để thực hiện dự án và không được quyền yêu cầu bồi thường, hỗ trợ khi bị thu hồi đất.

**Điều 7.** Các ưu đãi đối với dự án:

Dự án đáp ứng Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư ban hành kèm Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006, được hưởng ưu đãi đầu tư như sau:

- Mức thuế suất và miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại



Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 về Quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Được miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

- Được miễn thuế xuất, nhập khẩu theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 45/2005/QH11 ngày 14/6/2005 và Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 8/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

- Được hưởng các ưu đãi khác theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**Điều 8.** Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho nhà đầu tư và 01 bản lưu tại UBND tỉnh Hà Tây. *Tru*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



*Nguyễn Huy Tường*  
Nguyễn Huy Tường

BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*  
----- \*\*\* -----

# **HỢP ĐỒNG THUÊ ĐẤT**

**Số: 01/HĐTVP /ST / 2017**

**V/v: Thuê diện tích đất địa chỉ xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, Hà Nội**

**Hà Nội, tháng 8 năm 2017**

- Căn cứ vào Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2005;
- Các quy định có liên quan của Pháp luật;

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017, chúng tôi gồm có:

**BÊN CHO THUÊ (BÊN A) : Bà Phan Thị Lôi**

Địa chỉ : xã Hữu Bằng, Thạch Thất, Hà Nội

Sinh ngày : 08/04/1957

Số chứng minh thư : 110271229 , Nơi cấp: Công an TP Hà Nội, Cấp ngày 07/09/2012.

Sau đây gọi tắt là “**BÊN CHO THUÊ**”

VÀ

**BÊN THUÊ (BÊN B) : Công ty TNHH thương mại Bình Dương**

Địa chỉ : Xóm ngã 3, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, Hà Nội

Mã số thuế: : 0500388782

Đại diện bởi : Ông Nguyễn Đình Bình Chức vụ: Giám đốc

Sau đây gọi tắt là “**BÊN THUÊ**”

Xét nhu cầu của hai bên thuê và cho thuê. Sau khi thảo luận các điều kiện hai bên thống nhất ký hợp đồng cho thuê đất ( sau đây gọi tắt là “**Hợp đồng**”) với những điều khoản và điều kiện sau:

**ĐIỀU 1: CÁC ĐỊNH NGHĨA**

Các thuật ngữ dưới đây sẽ có ý nghĩa như được quy định tại điều này, trừ khi có quy định khác trong Hợp đồng:

“Bên cho thuê” : Có nghĩa là Bà Phan Thị Lôi

“Bên thuê” : Có nghĩa là Công ty TNHH thương mại Bình Dương

“Hợp đồng” : Có nghĩa là Hợp đồng cho thuê (bao gồm cả các phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung nếu có sau khi được các Bên ký kết vào mỗi thời điểm)

“Diện tích thuê” : Có nghĩa là toàn bộ phần diện tích đất

“Bên thuê khác” : Có nghĩa là một bên hoặc các Bên thuê khác, không phải là Bên thuê trong Hợp đồng này.

**ĐIỀU 2: NỘI DUNG**

Bên A đồng ý cho bên B thuê lại toàn bộ khu đất có diện tích 4.253,9 m<sup>2</sup> thuộc quyền sở hữu của bên A tại địa chỉ xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, Hà Nội để xây dựng nhà máy nước sạch và các công phục vụ cung cấp nước sạch.

**ĐIỀU 3 :TIỀN THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

2.1 Tiền thuê : 8 000 000 vnd / tháng

(Bằng chữ: Tám triệu đồng một tháng)

2.2 Phương thức thanh toán:

- Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản. .
- Bên thuê sẽ thanh toán cho bên cho thuê tiền nhà vào các ngày cuối cùng của tháng
- Sau 05 ngày kể từ ngày có thông báo thanh toán tiền thuê mà Bên thuê chưa trả tiền đầy đủ, thì Bên thuê phải trả lãi cho số tiền thuê đối với mỗi ngày chậm trả theo lãi suất của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố vào ngày thanh toán.

2.3 Thay đổi giá thuê:

Giá thuê sẽ điều chỉnh theo giá thị trường 2 năm/lần theo thỏa thuận của hai bên. Tuy nhiên, mức điều chỉnh không vượt quá 10% mức ban đầu.

### **ĐIỀU 3: CÁC CHI PHÍ DỊCH VỤ KHÁC LIÊN QUAN**

Trong thời hạn Hợp đồng, Bên thuê phải thanh toán trực tiếp cho các đơn vị cung cấp hoặc thanh toán thông qua Bên cho thuê các chi phí như:

- Các chi phí khác không bao gồm trong phí dịch vụ được nêu tại Điều 2.1 của Hợp đồng này.
- Bên thuê sẽ trả tiền điện, nước sinh hoạt, internet và các dịch vụ khác sử dụng hàng tháng theo thực tế sử dụng và được tính theo giá của cơ quan quản lý và phân phối có thẩm quyền theo quy định của nhà nước cho từng loại dịch vụ.

### **ĐIỀU 4: THỜI HẠN HỢP ĐỒNG**

4.1 Hợp đồng có thời hạn 20 năm - Từ ngày bàn giao mặt bằng.

4.2 Ngày bàn giao mặt bằng là ngày 08 tháng 08 năm 2017

4.3 Thời gian bắt đầu tính tiền thuê ngày hợp đồng có hiệu lực

### **ĐIỀU 5: MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG DIỆN TÍCH THUÊ**

5.1 Bên B chỉ sử dụng Diện tích thuê theo mục đích sử dụng là: xây dựng nhà máy nước sạch, văn phòng làm việc của Công ty và các công trình phục vụ cung cấp và xử lý nước sạch.

Bên B tuyệt đối không được sử dụng Diện tích thuê khác mục đích sử dụng nói trên. Tại mọi thời điểm trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này, Bên B không được thực hiện bất cứ một hình thức kinh doanh nào khác trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

5.2 Trường hợp Bên B vi phạm mục đích sử dụng, Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng này trước thời hạn và Bên B phải trả lại Diện tích thuê cùng với toàn bộ số tiền đã đặt cọc và tiền thuê còn lại của Hợp đồng sẽ thuộc về Bên A.

### **ĐIỀU 6: CAM KẾT CỦA BÊN THUÊ**

6.1 Sự tuân thủ pháp luật và quy định

6.1.1 Bên B đảm bảo hoạt động kinh doanh theo quy định của nhà nước CHXHCN Việt Nam.

6.1.2 Bên B có trách nhiệm cung cấp cho Bên A Giấy đăng ký Kinh doanh cùng các giấy phép liên quan khác và duy trì các loại văn bản do cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp trong thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng này

## **6.2 Hoạt động làm việc**

6.2.1 Bên B phải tự chịu toàn bộ trách nhiệm về các giao dịch với khách hàng của mình và phải bồi thường cho khách hàng những tổn thất mà nguyên nhân là do hoạt động làm việc của Bên B.

6.2.2 Bên B phải tự gánh chịu những rủi ro thiệt hại và tổn thất lợi nhuận xảy ra với Diện tích thuê hoặc với bất cứ tài sản ở bên trong Diện tích thuê thuộc quyền sở hữu của Bên thuê- gây ra và bởi nước, lửa, điện, loài gặm nhấm, nổ, bão, ẩu đá, hoặc bởi sự xâm nhập của bất cứ nguồn nào.

6.2.3 Bên B phải đảm bảo cho Bên A không phải chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất, thiệt hại, thương tật nào cho người và tài sản bên trong và bên ngoài Diện tích thuê phát sinh từ:

a) Vi phạm những quy định hiện hành trong luật, văn bản pháp quy hoặc các yêu cầu, thông báo hợp pháp do bất kỳ người, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền nào đưa ra;

b) Việc sử dụng bất cẩn hoặc sử dụng sai bất cứ máy móc thiết bị nào liên quan đến nước, điện, báo cháy và các thiết bị khác của Diện tích thuê.

## **ĐIỀU 7: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN CHO THUÊ**

### **7.1 Đảm bảo cho Bên thuê quyền sử dụng ổn định**

Bên A đảm bảo cho Bên B sử dụng Diện tích thuê trọn vẹn, độc lập và ổn định trong suốt thời hạn thuê, nếu Bên B thanh toán đầy đủ tiền thuê cùng các khoản tiền khác phải trả và thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng.

### **7.2. Quy hoạch lại**

Trong thời hạn Hợp đồng, Bên A không được quy hoạch, mở rộng, tái đầu tư phát triển, nâng cấp xây dựng lại các khu vực đã cho bên B thuê. Bên A không được cho bên khác thuê hoặc sang nhượng khu đất trong thời hạn hợp đồng.

## **ĐIỀU 8: VI PHẠM HỢP ĐỒNG**

8.1. Bên Thuê sẽ bị coi là vi phạm Hợp đồng cho thuê trong các trường hợp:

a) Bên B hoặc các đối tượng liên quan đến Bên B không tuân thủ nghĩa vụ trong Hợp đồng.

b) Bên B không gia hạn hoặc bị rút giấy phép kinh doanh, giấy phép đầu tư, giấy phép hoạt động ngoại giao, giấy phép lập chi nhánh hay văn phòng đại diện;

c) Bên B không trả tiền thuê, tiền đặt cọc, hay bất kỳ khoản phải trả nào thuộc phạm vi Hợp đồng và không sửa chữa vi phạm trong vòng 10 (mười) ngày kể từ khi nhận được thông báo về vi phạm đó.

d) Nếu Bên B huỷ hợp đồng trước thời hạn, Bên B sẽ bị phạt số tiền đã đặt cọc cho Bên A.

8.2. Nếu Bên B không sửa chữa vi phạm trong thời gian qui định, hoặc vi phạm là không thể khắc phục, hoặc vi phạm vẫn tái diễn, Bên A được quyền thực hiện bất kỳ các hành động sau:

a) Sửa chữa vi phạm và Bên Thuê có trách nhiệm thanh toán chi phí sửa chữa đó cho Bên cho thuê.

b) Chấm dứt hợp đồng thuê này.

c) Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam:

- (i) Trục xuất Bên B cùng đối tượng liên quan đến Bên Thuê ra khỏi Diện tích thuê;
  - (ii) Thu giữ hoặc gỡ bỏ và thanh lý mọi tài sản thuộc Bên B trong trường hợp Bên B chưa trả hết một khoản nợ nào đó;
  - (iii) Bất kỳ biện pháp xử lý nào khác theo luật pháp Việt Nam.
- d) Khiếu nại đòi bồi thường thiệt hại.

## **ĐIỀU 9: TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG**

**9.1** Trường hợp Bất khả kháng là những sự việc không thể lường trước, không thể kiểm soát, có tính chất bất thường xảy ra mà hậu quả không thể ngăn ngừa hoặc phòng tránh, bao gồm nhưng không giới hạn: động đất, bão, lụt, thiên tai, cháy, nổ, chiến tranh và sự thay đổi chính sách của Nhà nước.

**9.2** Các Bên không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo Hợp đồng sẽ không bị coi là vi phạm hợp đồng và có thể được miễn trách nhiệm nếu chứng minh rằng:

- (a) Sự kiện bất khả kháng là nguyên nhân trực tiếp gây trở ngại cho việc thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình;
- (b) Đã cố gắng tối đa để thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng để giảm tổn thất cho hai bên do sự kiện bất khả kháng gây ra;
- (c) Ngay lập tức thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng bằng văn bản trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ lúc xảy ra sự kiện đó, với 1 bản tường trình các lý do khiến phải chậm trễ thực hiện hoặc chỉ thực hiện một phần Hợp đồng.

## **ĐIỀU 10: HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG VÀ GIA HẠN HỢP ĐỒNG.**

**10.1** Hợp đồng có giá trị và hiệu lực thi hành từ ngày ký và sẽ chấm dứt trong các trường hợp sau:

- a) Hai bên thoả thuận chấm dứt Hợp đồng;
- b) Bên thuê không thanh toán tiền thuê hay bất cứ khoản tiền nào khác đầy đủ và đúng hạn.
- c) Bên thuê không tuân thủ các nghĩa vụ theo Hợp đồng và nội quy của Tòa nhà.
- d) Có đơn yêu cầu thanh lý hay phá sản của Bên thuê.
- e) Hết hạn thuê mà các bên không có thoả thuận bằng văn bản nào khác với việc gia hạn hợp đồng.
- f) Toàn bộ Tòa nhà hoặc Diện tích thuê bị thiệt hại không thể phục hồi và ở trong tình trạng không thích hợp cho mục đích sử dụng trong một thời gian 03 tháng liên tiếp.
- g) Các trường hợp do pháp luật quy định như Bên thuê bị rút giấy phép, tuyên bố phá sản hay giải thể.
- h) Các trường hợp khác theo quy định của Hợp đồng.

**10.2** Gia hạn hợp đồng: Bên thuê được ưu tiên thuê tiếp diện tích này với các điều kiện sau:

- a) Bên thuê phải thông báo bằng văn bản về nhu cầu muốn sử dụng, thuê tiếp diện tích này trước thời gian hết hạn Hợp đồng này 03 tháng.
  - b) Hai bên thoả thuận đồng ý ký kết Hợp đồng mới trước thời gian hết hạn Hợp đồng này 01 tháng.
- Sau khi hết thời hạn hợp đồng mà Bên thuê vẫn tiếp tục chiếm giữ Diện tích thuê, Bên thuê sẽ được xem như là người thuê hàng tháng. Việc thuê hàng tháng sẽ tuân theo đúng các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này. Tuy nhiên việc này cũng không kéo dài quá 02 tháng.

## **ĐIỀU 11: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN KHI CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

11.1 Trường hợp chấm dứt Hợp đồng theo các quy định tại điều 12 của Hợp đồng này, Bên thuê vẫn phải thanh toán đầy đủ tiền thuê và chi phí phát sinh khác liên quan đến việc sử dụng thực tế Diện tích thuê. Bên cho thuê có quyền truy đòi nếu nhận được hoá đơn sau khi chấm dứt hợp đồng.

11.2 Bàn giao mặt bằng: Khi Hợp đồng kết thúc, Bên thuê phải phục hồi Diện tích thuê trở về nguyên trạng ban đầu, để bàn giao lại cho Bên cho thuê trong tình trạng tốt và có thể tiếp tục cho thuê được.

11.3 Bên thuê được quyền di chuyển ra khỏi Tòa nhà các tài sản, trang thiết bị thuộc quyền sở hữu của Bên thuê và Bên cho thuê có trách nhiệm tiếp nhận lại Diện tích thuê.

11.4 Nếu một trong hai Bên đơn phương muốn chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, thì phải gửi thông báo cho bên kia bằng văn bản trước 03 tháng và Bên muốn chấm dứt sẽ phải chịu một khoản tiền phạt tương đương với số tiền đặt cọc của Hợp đồng này.

## **ĐIỀU 12: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

Hợp đồng cho thuê này chịu sự điều chỉnh của luật pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản, điều kiện được quy định trong Hợp đồng này. Trường hợp có tranh chấp, hai bên cùng bàn bạc giải quyết trên tinh thần hoà giải và hợp tác.

Trường hợp các bên không đạt được sự thoả thuận, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Toà án có thẩm quyền. Phán quyết của Toà án là phán quyết cuối cùng bắt buộc các bên phải chấp hành.

## **ĐIỀU 13: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

13.1. Hợp đồng này tạo thành thoả thuận chính thức giữa các bên và thay thế hoàn toàn cho mọi thoả thuận, ghi nhớ, thông tin giao tiếp hay trình bày ý định trước đây liên quan đến Hợp đồng này. Mọi sửa đổi hoặc bổ sung Hợp đồng đều không có giá trị nếu không được lập thành văn bản và được ký kết bởi đại diện các Bên tham gia Hợp đồng.

13.2. Hợp đồng này được lập thành 02 bản có nội dung và giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 01 bản và Hợp đồng có giá trị từ ngày ký.

13.3. Việc thay đổi chủ sở hữu Tòa nhà không ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng. Chủ sở hữu mới sẽ kế thừa quyền và nghĩa vụ của Bên Cho thuê theo Hợp đồng.

13.4. Hiệu lực của từng điều khoản của Hợp đồng mang tính độc lập. Việc một vài điều khoản vô hiệu không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản còn lại của Hợp đồng.

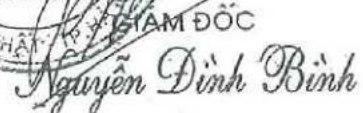
Hợp đồng được ký kết bởi các đại diện có thẩm quyền của các bên vào ngày đã đề cập ở trên.

**BÊN CHO THUÊ**

  
Phan Thị Loan

**BÊN THUÊ**



  
Nguyễn Đình Bình

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ TÂY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1344/QĐ-UBND

Hà Đông, ngày 23 tháng 5 năm 2008

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc thu hồi 3.555,7 m<sup>2</sup> đất tại khu Đồng Màu, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất; giao Công ty TNHH Thương mại Bình Dương thuê 2.998,4m<sup>2</sup> để thực hiện dự án xây dựng Hệ thống cấp nước và kinh doanh nước sạch xã Hữu Bằng

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TÂY**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 970 TT/TNMT-QHKH ngày 05/5/2008,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.**

1. Thu hồi 3.555,7 m<sup>2</sup> đất tại khu Đồng Màu, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất; giao Công ty TNHH Thương mại Bình Dương thuê 2.998,4m<sup>2</sup> để thực hiện dự án xây dựng Hệ thống cấp nước và kinh doanh nước sạch xã Hữu Bằng;

Diện tích còn lại 557,3m<sup>2</sup> đất thuộc hành lang giao thông, Công ty có trách nhiệm GPMB, xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sau đó giao cho địa phương quản lý theo quy định.

Loại đất thu hồi gồm:

- Đất trồng lúa: 3.069,7 m<sup>2</sup>;
- Đất giao thông, thủy lợi nội đồng: 172,1m<sup>2</sup>;
- Đất sản xuất kinh doanh (UBND xã quản lý): 297,6 m<sup>2</sup>;
- Đất chưa sử dụng: 16,3m<sup>2</sup>;

2. Thời hạn thuê đất kể từ ngày UBND tỉnh ký Quyết định cho Công ty thuê đất đến ngày 22 tháng 4 năm 2058 (ngày hết hạn Giấy chứng nhận đầu tư).

3. Tiền thuê đất: Thực hiện theo Thông tư số 120/2005/TT-BTC ngày 30/12/2005 và Thông tư số 141/2007/TT-BTC ngày 30/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định 142/2005/NĐ-CP về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan ký hợp đồng thuê đất và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về hồ sơ thuê đất của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

## Điều 2.

1. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND huyện Thạch Thất ban hành quyết định thu hồi đất và chỉnh lý giấy chứng nhận QSDĐ của từng hộ (nếu có); chỉ đạo bồi thường, hỗ trợ GPMB theo quy định.

2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện Thạch Thất chỉ đạo thực hiện việc bàn giao cụ thể các mốc giới, diện tích đất thu hồi trên thực địa và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định của Luật Đất đai.

Vị trí, ranh giới, diện tích khu đất được xác định như trích lục bản đồ tỷ lệ 1/500 do Sở Tài nguyên và Môi trường ký ngày 05/5/2008.

3. Công ty TNHH Thương mại Bình Dương có trách nhiệm:

- Sử dụng đất đúng mục đích, đúng vị trí, ranh giới diện tích đất được thuê.
- Trước khi xây dựng phải làm đầy đủ các thủ tục về đầu tư và xây dựng cơ bản theo quy định. Phải xây dựng theo đúng quy hoạch, thiết kế và giấy phép xây dựng do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Thực hiện đầy đủ những quy định của pháp luật về phòng chống cháy nổ và bảo vệ môi trường.
- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính theo quy định.

4. Sau 12 tháng liên tục kể từ ngày bàn giao đất, nếu đơn vị không triển khai thực hiện dự án hoặc triển khai không đúng dự án được duyệt sẽ bị thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các ngành: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông Vận tải, Tài chính, Kho bạc, Cục Thuế; Chủ tịch UBND huyện Thạch Thất; Chủ tịch UBND xã Hữu Bằng; Công ty TNHH Thương mại Bình Dương; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**  
Số chứng thực: 4486 - 01 Quyển số: SCT/BS

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT/UBND tỉnh;
- C/P VP UBND tỉnh;
- TT Công báo;
- TH2, CNXD2, KT(1,2);
- Lưu VT, NN3(2b).

Ngày: 25-07-2025



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Trịnh Duy Hùng



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Thu Hà

Số: **176**/GXN - UBND

Thạch Thất, ngày **25** tháng 01 năm 2018

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ  
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN  
“Nhà máy nước sạch Hữu Bằng” của Công ty TNHH Thương mại Bình  
Dương tại xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014; Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, kế hoạch bảo vệ môi trường; Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT BNV – BTNMT ngày 28/8/2014 của liên Bộ Nội vụ - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường đơn giản và văn bản số 36/MT – BD ngày 26/12/2017 của Công ty TNHH Thương mại Bình Dương.

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẮT  
XÁC NHẬN:**

**Điều 1.** Bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản của “Nhà máy nước sạch Hữu Bằng” của Công ty TNHH Thương mại Bình Dương tại xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội đã được đăng ký tại UBND huyện Thạch Thất ngày **25** tháng **01** năm 2018.

**Điều 2.** Công ty TNHH Thương mại Bình Dương có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường trong đề án; đảm bảo các chất thải và các vấn đề môi trường khác được quản lý, xử lý đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.




2. Trong quá trình sản xuất, trường hợp xảy ra sự cố môi trường, phải dừng hoạt động, thực hiện các biện pháp khắc phục và thông báo ngay cho Ủy ban nhân dân xã Hữu Bằng, Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất và các cơ quan có liên quan.

3. Báo cáo kịp thời UBND huyện Thạch Thất khi có sự thay đổi về quy mô sản xuất, dây chuyền công nghệ và chỉ được triển khai khi được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 3.** Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Sở TNMT Hà Nội;
- CT, các PCT UBND huyện;
- VP HĐND – UBND huyện;
- Phòng TNMT;
- Công ty TNHH Thương mại Bình Dương;
- UBND xã Hữu Bằng;
- Lưu. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Mạnh Hồng**



**GIẤY PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội tại Tờ trình số 372/TTr-SNN ngày 28/9/2020.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Thương mại Bình Dương, địa chỉ: xóm Ngã Ba, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội xả nước thải đã qua xử lý của Nhà máy nước sạch Hữu Bằng vào công trình thủy lợi với các nội dung chính sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu nội đồng khu Đồng Mầu, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

2. Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí xả nước thải tại xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội: X: 2326047; Y: 564510 (theo hệ tọa độ VN2000).

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 40 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

6. Chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo các thông số theo Quy chuẩn thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải



*Handwritten signature*

công nghiệp trên địa bàn thủ đô Hà Nội (Ban hành kèm theo Thông tư số 51/2014/TT-BTNMT ngày 05/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường), cột B, hệ số  $K_f = 1,2$ ,  $K_q = 0,9$  và Quy chuẩn Việt Nam QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường), cột B với hệ số  $K = 1,2$ .

Cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép ( $C_{max} = C \times K$ ; $C_{max} = C \times K_f \times K_q$ )
QCTĐHN 02:2014/BTNMT, hệ số $K_f = 1,2$ $K_q = 0,9$			
1	Màu	Pt/Co	150
2	pH	-	5,5-9
3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	54
4	COD	mg/l	162
5	Chất rắn lơ lửng	mg/l	108
6	Asen	mg/l	0,108
7	Đồng	mg/l	2,16
8	Mangan	mg/l	1,08
9	Sắt	mg/l	5,4
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8
11	Amoni (tính theo N)	mg/l	10,8
12	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5.000
QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số $K = 1,2$			
13	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/l	1.200
14	Sunfua	mg/l	4,8
15	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> ) (tính theo N)	mg/l	60
16	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
17	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
18	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	12

7. Thời hạn của Giấy phép: 05 năm, kể từ ngày cấp.

**Điều 2.** Yêu cầu đối với Công ty TNHH Thương mại Bình Dương:

1. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; Mọi thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức được cấp Giấy phép quy định tại Điều 32 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi.

3. Thực hiện quan trắc nước thải và chất lượng nước nguồn tiếp nhận:

a) Vị trí quan trắc nước thải:

- Quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải: Tại vị trí cửa xả nước thải (X: 2326047; Y: 564510);

- Quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận: Tại hai vị trí, cụ thể:

+ Vị trí 1: Trên Kênh tiêu nội đồng khu Đồng Mầu, cách vị trí tiếp nhận 30m về phía thượng lưu;

+ Vị trí 2: Trên Kênh tiêu nội đồng khu Đồng Mầu, cách vị trí tiếp nhận 30m về phía hạ lưu.

b) Thông số quan trắc:

- Lưu lượng xả nước thải bảo đảm không vượt quá lưu lượng xả lớn nhất quy định tại khoản 5 Điều 1 của Giấy phép này.

- Chất lượng nước thải bảo đảm các thông số theo quy định tại khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này.

- Thông số quan trắc chất lượng nước nguồn tiếp nhận: Quan trắc 17 thông số: pH, BOD<sub>5</sub>(20°C), COD, TSS, Amoni, Clorua, Nitrit, Nitrat, Phosphat, Asen, Đồng, Mangan, Sắt, Chất hoạt động bề mặt, Tổng dầu mỡ, Coliform theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1.

c) Tần suất quan trắc: 4 lần/năm (ba tháng một lần).

4. Định kỳ xây dựng Báo cáo quý (ba tháng một lần), Báo cáo tổng hợp năm (thay báo cáo quý IV) và gửi về Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội), Công ty TNHH Một thành viên thủy lợi Sông Tích trước ngày 25 tháng thứ 3 của quý. Nội dung báo cáo về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý và chất lượng nước của công trình thủy lợi tiếp nhận theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp đột xuất phải tiến hành lấy mẫu thí nghiệm để kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình thiết kế, thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; tăng cường kiểm soát quy trình xử lý nước thải, kiểm soát chất lượng nước thải đảm bảo các thông số chất lượng nước thải luôn đạt quy định trước khi xả ra nguồn tiếp nhận; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục; thực hiện các biện pháp xả thải an toàn, không gây ngập úng, ảnh hưởng đến tình trạng thoát nước chung của khu vực; lập và ghi chép nhật ký vận hành theo quy định.

6. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát quá trình thực hiện Giấy phép xả nước thải của cơ quan cấp phép và cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Chịu sự theo dõi, giám sát quá trình thực hiện Giấy phép xả nước thải của Công ty TNHH Một thành viên thủy lợi Sông Tích; Báo cáo kịp thời về Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước tiếp nhận và môi trường do việc xả nước thải gây ra. Khi cơ quan có thẩm quyền kiểm tra đột xuất, Công ty TNHH Thương mại Bình Dương phải phối hợp trong công tác kiểm tra hiện trường, lấy mẫu kiểm tra chất lượng nước thải; đồng thời ký xác nhận vào biên bản kiểm tra hiện trường, biên bản lấy mẫu nước.

**Điều 3.** Công ty TNHH Thương mại Bình Dương được hưởng các quyền theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất, Công ty TNHH Một thành viên thủy lợi Sông Tích có trách nhiệm giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Giấy phép theo quy định.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chậm nhất bốn mươi lăm (45) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Thương mại Bình Dương còn tiếp tục xả nước thải của Nhà máy nước sạch Hữu Bằng với các nội dung nêu tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thạch Thất; Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên thủy lợi Sông Tích; Công ty TNHH Thương mại Bình Dương và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

**Nơi nhận:** *nb*

- Như Điều 6;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các PCT UBND TP: Nguyễn Văn Sửu, Nguyễn Quốc Hùng;
- Tổng cục Thủy lợi;
- VPUB: PCVP V.T.Anh, KT, TKBT;
- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả TTHC Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Lưu: VT, SNN. *nb*

5528 - 13

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH** *nb*



**Nguyễn Văn Sửu**

Số: 38 /GP-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2023

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;*

*Căn cứ Nghị định 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;*

*Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại Giấy phép tài nguyên nước;*

*Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;*

*Căn cứ Quyết định số 8430/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội;*

*Xét Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất của Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương ngày 28/11/2022 và hồ sơ kèm theo.*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 769/TTr-STNMT-TNN ngày 10/2/2023 và Văn bản số 1336/STNMT-TNN ngày 06/3/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương được khai thác nước dưới đất cho Nhà máy nước sạch Hữu Bằng với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Phục vụ cấp nước sinh hoạt cho nhân dân khu vực xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội;
2. Vị trí công trình khai thác nước dưới đất: khu Đồng Mầu, thôn Miếu, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.
3. Tầng chứa nước khai thác: tầng chứa nước Pleistocen hệ tầng Hà Nội (qp).
4. Số giếng khai thác: 03 (ba) giếng.
5. Tổng lượng nước khai thác: 2.900m<sup>3</sup>/ngày.đêm.



6. Thời hạn của Giấy phép: 05 (năm) năm (kể từ ngày 30/4/2023).

Số hiệu, vị trí và thông số cụ thể của 03 giếng khai thác cụ thể như sau:

Số hiệu	Tọa độ (theo hệ tọa độ Vn 2000)		Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Lưu lượng (m <sup>3</sup> /ngày)	Chế độ khai thác (giờ/ngày)	Chiều sâu mực nước tĩnh (m)	Chiều sâu mực nước động cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X	Y	Từ	Đến					
GK2	2.325.459	564.511	41	46	1.000	20	6,78	30	qp
GK3	2.325.580	564.562	40	45	1.000	20	7,0	30	qp
GK4	2.325.923	564.641	44	49	900	20	6,76	30	qp

**Điều 2.** Các yêu cầu đối với Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận bằng văn bản.

2. Thực hiện quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước dưới đất trong quá trình khai thác theo quy định tại Thông tư 47/2017/TT-BTNMT ngày 07/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các yêu cầu cụ thể như sau:

- Quan trắc mực nước: bao gồm mực nước động và mực nước tĩnh.

- Quan trắc chất lượng nước: thực hiện tối đa không quá 06 (sáu) tháng 01 (một) lần; thực hiện tối thiểu 02 (hai) lần 01 (một) năm.

3. Thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt theo nội dung tại Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09/9/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước năm 2012.

6. Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội về tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, việc thực hiện các quy định của giấy phép tài nguyên nước theo quy định tại Điều 10 Thông tư 31/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước, trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của UBND Thành phố và Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

8. Nộp thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (nếu có) và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác trong quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 4.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương tiếp tục khai thác, sử dụng nước dưới đất với các nội dung như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND Huyện Thạch Thất; Giám đốc Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
  - Chủ tịch UBND Thành phố; (Để báo cáo)
  - PCT UBND TP Nguyễn Trọng Đông;
  - VPUB: PCVP<sub>C.N.Trang</sub>;
  - Cục Quản lý Tài nguyên nước;
  - Lưu: VT, HS, TNMT.
- (48613/2022 - Vinh)

304 (7)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Đông



**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra việc chấp hành công tác bảo vệ môi trường  
và Tài nguyên nước năm 2024**

Vào hồi 14 giờ 30 ngày 27 tháng 8 năm 2024, Tại ... Công ty TNHH nước sạch  
Bình Dương tại số nhà 47, Đường máy Sút, Thị trấn Diên  
Hiếu, Huyện Thạch Thắt, Tỉnh Vĩnh

Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1657/QĐ – UBND ngày 04/4/2024 của UBND huyện Thạch Thắt, tiến hành việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường và tài nguyên nước đối với đơn vị theo Thông báo số 10/TB – ĐKT ngày 09/8/2024 của Đoàn kiểm tra.

**I. Thành phần làm việc:**

**1. Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1657/QĐ – UBND ngày 04/4/2024 của UBND huyện:**

- |                          |   |
|--------------------------|---|
| - Bà Đinh Thị Hà         | - PTP TNMT – Phó Trưởng đoàn chủ trì              |
| - Bà Nguyễn Thị Thu Hoài | Chuyên viên phòng TN & MT huyện - Thư ký;         |
| - Ông Đỗ Khắc Lương      | Chuyên viên phòng Kinh Tế huyện - Thành viên;     |
| - Ông Nguyễn Hữu Tình    | Chuyên viên phòng Quản lý đô thị- Thành viên;     |
| - Ông Mai Trung Tuấn     | Đội Kinh tế - MT - MT Công an huyện - Thành viên; |
| - Ông Trần Tuấn Anh      | Đội Kinh tế - MT - MT Công an huyện - Thành viên; |
| - Ông Cán Anh Tuấn       | Đội Kinh tế - MT - MT Công an huyện - Thành viên; |
| - Ông Nguyễn Hoàng Tuấn  | Viên chức BQL dự án ĐTXD huyện - Thành viên       |

**2. Đại diện UBND xã/thị trấn:**

- Ông (bà): Ông Phan Lạc Mạnh - PCT UBND xã Hiếu Bình

**3. Đại diện đơn vị được kiểm tra:**

- Ông Nguyễn Đình Trường - Quản lý vận hành trạm  
lấn việc theo GMA ngày 27/8/2024.  
SĐT: 0912. 606080.

4. Đơn vị tư vấn lấy mẫu:

## II. Nội dung làm việc:

### 1. Thông tin chung:

- Tên cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Cung cấp nước sạch

- Địa chỉ, số điện thoại: 09.12.606.080.

- Người đại diện: Ông Nguyễn Đình Bình - Giám đốc

- Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

- Quy mô/công suất: 4400 m<sup>3</sup>/ngày đêm

- Tần suất hoạt động (thường xuyên hoặc theo mùa vụ- ghi rõ thời gian nếu hoạt động theo mùa vụ)

- Giấy đăng ký kinh doanh 0507388782, Mã số thuế

- Giấy phép môi trường số: Đ-AN-BNMT/176 ngày 25/01/2018  
Cơ quan cấp: UBND huyện Thuận Thành

- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo):

40.743 m<sup>3</sup>/tháng ≈ 1.358,1 m<sup>3</sup>/ngày  
(Đề án BNMT tối đa là 1400 m<sup>3</sup>/ngày đêm)

- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất:

### 2. Hồ sơ pháp lý liên quan đến hoạt động sản xuất và bảo vệ môi trường:

1) Giấy chứng nhận đầu tư số 03121000220 cấp ngày 22/11/2008 Công suất 4400 m<sup>3</sup>

2) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 05.00388782

3) Quyết định số 1344/QĐ-UBND ngày 23/5/2008 Thu hồi 355,7 m<sup>3</sup> đất giao cho công ty TNHH TM Bình Dương

4) GTXN Đề án BNMT ngày 25/1/2018 UBND huyện cấp (kèm theo Đề án)

5) Giấy phép khai thác mỏ dưới đất với O<sub>2</sub> quặng khoán số 38/GPMT - ngày 16/3/2023 khai thác ≈ 900 m<sup>3</sup>/ngày đêm

Hợp đồng vận chuyển lưu giữ chất thải công nghiệp  
ngày hai số 00160/2022/HĐCT ngày 26/7/2022.  
Kc theo phụ lục

- Biên bản bàn giao chất thải ngày hai tháng 11/2022.
- HĐ xét nghiệm nước thải vào bể cho người sử dụng.
- Cầu phép xả nước thải
- Không có HST qua giàn sục nước thải
- Cầu phép xả nước thải vào nguồn  
(có năm 2022 nhưng không đi chỉ tiêu)

+ Tổng số công nhân: 5 người  
+ Phi VMT: 1.500.000đ/người

### 3. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) :

#### 3.1. Xử lý nước thải

- Các công trình xử lý nước thải:

+ Theo đề án BMT lượng nước thải khoảng 30-35 m<sup>3</sup>  
02 bể lắng và 01 bể lọc (đồng, kênh tiêu nước  
đồng)

Nước thải hút vào chuyển theo HĐ đồng  
10.000 kg (năm 2022 theo biên bản bàn giao)

- Tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm báo cáo và năm gần  
nhất (m<sup>3</sup>):

Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động  
môi trường hoặc giấy phép môi trường:



- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh trong năm báo cáo và năm gần nhất ( $m^3$ ); Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường:

Theo Bản đề án BMT khoảng 35-40  $m^3$ /ngày.  
Theo báo cáo hiện tại công ty đã sử dụng khoảng 85%

- Tổng lưu lượng nước làm mát trong năm báo cáo và năm gần nhất ( $m^3$ ):

Không có

Tình hình đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp (đối với các cơ sở nằm trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp):

### 3.2. Xử lý khí thải:

Biện pháp xử lý:

Không có

### 3. 3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt:

phụ gom theo đơn vị về sinh môi trường  
mặt phủ chống 1.500.000 đ/năm

- Thống kê CTR công nghiệp thông thường: (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

bin thải ra một số rác thải rắn thông

Đối với cơ sở sản xuất có sử dụng CTRCNTT để tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất:

\* Hiện tại theo báo bán bán giao-lái  
11/2022 là 10.000 kg. Từ năm 2022 đến nay  
chưa bán giao lại nữa  
\* Theo kiến tra lịch trang lượng bán thải  
này tại hệ máy xử lý đã đầy (đặc biệt là  
tại ống xả có bụi vàng chảy ra khu Rừng).

Thống kê các loại chất thải rắn thông thường khác (nếu có):

Chất thải rắn phèn. Lượng 5kg/tháng.

- Về quản lý chất thải nguy hại:

Thống kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Phụ hồ Thu gom CTNH.

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm :

#### 4. Quản lý Tài nguyên nước:

##### 4.1. Nguồn nước sản xuất, lưu lượng sử dụng:

Nước ngầm (cơ giếng) dùng sử dụng 3 giếng,

0. Kiểm tra trạm cấp

**4.2. Nguồn nước sinh hoạt, lưu lượng sử dụng:**

**4.3. Hồ sơ pháp lý liên quan đến tài nguyên nước:**

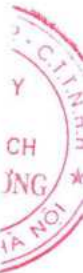
- + Giấy phép khai thác nước dưới đất
- + Giấy phép xả thải

**5. Lấy mẫu các thành phần môi trường:**

- Lấy mẫu nước cấp tại công ty
- Lấy mẫu nước cấp tại một số hộ được cấp nước HT

(Có kèm bản vẽ để xem xét của Đơn vị Quan trắc)

**III. Ý kiến của các thành viên Đoàn kiểm tra và cơ sở:**



1. Các thành viên đoàn kiểm tra:

17 Đ.Đ.UB.V.D. xã Hữu Bằng: Đề nghị Công ty TNHH TM Bình Dương cung cấp đầy đủ hồ sơ và phối hợp với đoàn kiểm tra.

Về ý kiến cử đại: Theo phản ánh cử đại tháng 5/2024, Uot Đoàn Kiểm tra, CB chuyên môn và đơn vị lấy mẫu lấy 01 mẫu nước. Kết quả do đơn vị giám sát lấy mẫu cấp làm hồ sơ đưa lên cử đại.

C. An Xuyên: Yêu cầu công ty xử lý, hết hạn dự đề lấy 02 mẫu phân tích nước.

2. Ý kiến của cơ sở:

nhất trí ý kiến, báo cáo với đoàn

Phi nhân viên chấp hành quy định về hoạt động sản xuất kinh doanh, về hoạt động kinh doanh mức cấp. Truy nhiên công ty hiện chưa đúng và đúng đi theo các hồ sơ được cấp.

1) Yêu cầu công ty, năm lập O.d giếng khoan không sử dụng → báo cáo cơ quan có chức năng.

2) Yêu cầu công ty hoàn chỉnh hồ sơ cấp GPMT theo quy định của pháp luật BMT hiện hành trước ngày 12/10/2024.

3) Yêu cầu công ty xử lý chất thải rắn (bùn thải) trước ngày 30/9/2024 tránh chảy tràn. Báo cáo đôn kiểm tra qua phòng TNMT Thành Phố để giám sát.

4. Đôn kiểm tra lấy mẫu nước cấp từ các điểm tại điểm bơm của công ty và một số mẫu nước khu dân cư, sử dụng nước cấp của công ty. Báo bị kinh phí quan trắc do công ty chi trả (theo fees nghi của đôn).


5. Yêu cầu công ty bị xử phạt nếu không xử lý chất thải nguy hại theo mã CINH trong hợp đồng.

6. Đôn kiểm tra giao UBND xã Hòa Bình lập biên bản VP hành chính theo quy định trên cơ sở kết quả phân tích, đánh giá chất lượng mẫu nước từ các hồ sơ đôn và cấp.


7. Hoàn thiện báo cáo gửi theo mẫu về đôn kiểm tra trước ngày 15/9/2024.


Biên bản lập xong hồi 16h30 giờ, cùng ngày. Nội dung biên bản đã được thông qua tại buổi làm việc. Các thành viên nhất trí thông qua, ký tên./.

**Người ghi biên bản**


  
Nguyễn Thị Thu Hương

**CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TRA**

  
Nguyễn Hoàng Nhân  
  
Mai Trung Tuấn

  
Đỗ Khắc Lương

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ**

  
Phạm Lạc Mạnh

**ĐƠN VỊ KIỂM TRA**

  
Nguyễn Đình Tường

UBND HUYỆN THẠCH THẮT  
ĐKT THEO QUYẾT ĐỊNH  
SỐ 1657/QĐ – UBND  
NGÀY 04/4/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thạch Thắt, ngày 29 tháng 10 năm 2024

Số: 18/TBKL - ĐKT

## THÔNG BÁO

### Kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường và tài nguyên nước đối với công ty TNHH thương mại Bình Dương

Thực hiện Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 04/4/2024 của UBND huyện Thạch Thắt về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với các cơ sở sản xuất trong và ngoài cụm công nghiệp trên địa bàn huyện Thạch Thắt năm 2024. Đoàn Kiểm tra đã tiến hành kiểm tra đối với công ty TNHH thương mại Bình Dương tại số 47, đường Máy nước, thôn Miếu, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thắt. Đoàn kiểm tra số 1657/QĐ – UBND ngày 04/4/2024 của UBND huyện Thạch Thắt thông báo kết quả kiểm tra đến Công ty cụ thể như sau:

#### I. Kết quả đạt được:

1. Công ty TNHH thương mại Bình Dương (sau đây gọi tắt là Công ty) được UBND tỉnh Hà Tây (nay là TP Hà Nội) cấp GCN đầu tư số 03121000220 ngày 22/4/2008; Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (công ty TNHH hai thành viên) mã số 0500388782 đăng ký lần đầu ngày 12/12/2008, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 05/04/2022. Địa chỉ: Số nhà 47, đường Máy nước, Thôn Miếu, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thắt, thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động: cấp nước sạch

2. Công ty được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất số 38/GP – UBND ngày 16/3/2023, lưu lượng khai thác 2.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm (03 giếng).

3. Công ty đã được UBND huyện Thạch Thắt cấp Giấy xác nhận đăng ký Đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 176/GXN – UBND ngày 25/01/2018.

4. Công ty đã ký hợp đồng vận chuyển, lưu trữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại (số 000160/2022/HĐCNDT ngày 26/7/2022, nghiệm thu khối lượng ngày 16/11/2022).



5. Sau khi đoàn kiểm tra yêu cầu Công ty báo cáo giải trình và bổ sung hồ sơ, công ty đã chấp hành việc gửi báo cáo kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường, Tài nguyên nước theo yêu cầu của đoàn kiểm tra, bổ sung hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải công nghiệp nguy hại số 000496/2024/HĐCNK ngày 01/10/2024.

## **II. Những tồn tại hạn chế và nguyên nhân:**

Công ty chưa cung cấp được hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường, biên bản bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường năm 2023, 2024.

Công ty chưa thực hiện chuyển giao bùn lắng tại bể chứa bùn lắng từ tháng 11 năm 2022 đến nay, công ty báo cáo toàn bộ bùn lắng này được thu gom tại ao chứa bùn khoảng 300m<sup>3</sup>. Thời điểm kiểm tra, bể chứa bùn thải bùn lắng không được gia cố, không có lớp lót đáy, kè. → K1 A23 NA 86 phút 3 → 5 phút

Công ty thực hiện khai thác lưu lượng nước đạt tỷ lệ dưới 70% so với lưu lượng được UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy phép khai thác nước ngầm theo Giấy phép số 38/GP – UBND ngày 16/3/2023.

Công ty chưa xuất trình được báo cáo công tác khai thác nước dưới đất, báo cáo xả thải nước thải vào nguồn theo Giấy phép số 38/GP – UBND ngày 16/3/2023 và Giấy phép số 333/GP – UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố Hà Nội giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi.

## **III. Đề xuất kiến nghị:**

Đoàn kiểm tra lập biên bản vi phạm hành chính đối với các vi phạm về môi trường, tài nguyên nước, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước theo thẩm quyền.

## **IV. Yêu cầu đối với đơn vị được kiểm tra:**

1. Thực hiện quy định về tài nguyên nước: Thực hiện đầy đủ các nội dung quy định trách nhiệm của chủ nguồn thải (theo Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước) và chủ công trình được khai thác, sử dụng nước dưới đất theo đúng quy định tại Giấy phép số 38/GP – UBND ngày 16/3/2023 của UBND thành phố Hà Nội.

2. Hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp GPMT theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3. Ký hợp đồng, bàn giao chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy quy định.

Đoàn kiểm tra theo quyết định thông báo kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên nước đối với Công ty TNHH thương mại Bình Dương tại số nhà 47, Đường máy nước, thôn Miếu, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội. *SVB*

**Nơi nhận:**

- UBND huyện (để b/c);
- UBND xã Hữu Bằng (để thực hiện);
- Công ty TNHH TM Bình Dương;
- Lưu: ĐKT 1657.

**TM. ĐOÀN KIỂM TRA 1657**

**TRƯỞNG ĐOÀN**



**TRƯỞNG PHÒNG TNMT**

**Nguyễn Đức Lượng**



Số: 492 /TLST-QLN

Sơn Tây, ngày 07 tháng 8 năm 2020

Về việc thỏa thuận xả nước thải vào công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP Hà Nội của Công ty TNHH thương mại Bình Dương

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại Bình Dương

Công ty TNHH MTV Thủy lợi Sông Tích nhận được công văn số 45/CV-BD ngày 22/7/2020 của Công ty TNHH Thương mại Bình Dương về việc thỏa thuận xả nước thải phục vụ hồ sơ xin cấp phép xả nước thải vào công trình thủy lợi thuộc lưu vực sông Tích (Kèm theo Báo cáo xả nước thải vào nguồn nước của Nhà máy nước sạch Hữu Bằng)

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy Lợi.

Sau khi xem xét hồ sơ xin thỏa thuận và kiểm tra thực tế quản lý, vận hành hệ thống kênh thủy lợi trên địa bàn xã Phùng Xá, Công ty có ý kiến như sau:

1. Vị trí xả nước thải của Công ty TNHH Thương mại Bình Dương ra khu ruộng trồng rồi tiêu thoát ra kênh tiêu nội đồng, sau đó tiêu ra kênh tiêu Song Lĩnh - Ngái Vĩnh xã Phùng Xá là kênh tiêu nhánh của kênh tiêu Ngòi Ngái - Tây Ninh. Hiện trạng kênh tiêu nội đồng tại vị trí xin thỏa thuận xả nước thải là kênh đất, mặt cắt hình thang có kích thước mặt cắt ngang bình quân: Chiều rộng đáy  $b = (1,5-; -2,0)$  m, chiều rộng đỉnh trong 2 mái  $B = (2,5-; -3,0)$  m, chiều cao kênh  $H = 1,2$  m. Kênh đảm bảo năng lực tiếp nhận nguồn nước xả thải với phương thức xả thải, chế độ xả thải và lưu lượng xả thải 40m<sup>3</sup>/ngày.đêm theo hồ sơ kèm theo văn bản xin thỏa thuận.

2. Công ty chấp thuận phương án xả nước thải đã qua xử lý của Công ty TNHH Thương mại Bình Dương ra kênh tiêu nội đồng nói trên với các điều kiện sau:

- Nước thải trước khi xả vào kênh tiêu nội đồng nói trên phải được xử lý đảm bảo chất lượng theo quy định của Nhà nước và được cấp có thẩm quyền phê duyệt (không được xả trực tiếp nước thải chưa qua xử lý vào kênh);

- Trong quá trình sản xuất và xả thải đề nghị Công ty TNHH Thương mại Bình Dương không làm thay đổi hiện trạng kênh tiêu nội đồng nói trên tại vị trí xả thải để đảm bảo an toàn kênh và dòng chảy trên kênh tiêu luôn được thông thoáng.

- Công ty TNHH Thương mại Bình Dương hoàn toàn chịu trách nhiệm về chế độ vận hành hệ thống xử lý nước thải và chất lượng nước thải đảm bảo theo quy định Pháp luật.

3. Trước khi vận hành xả thải vào kênh tiêu nội đồng nói trên theo hồ sơ thỏa thuận, đề nghị Công ty TNHH Thương mại Bình Dương hoàn thiện hồ sơ gửi các cơ quan có thẩm quyền, trình UBND thành phố Hà Nội xin cấp phép xả thải vào công trình thủy lợi theo quy định tại Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và

Nghị định 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018. Việc xả nước thải vào kênh tiêu nội đồng nói trên chỉ được thực hiện khi có giấy phép xả thải của UBND TP Hà Nội cấp.

Văn bản này làm cơ sở để Công ty TNHH Thương mại Bình Dương hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trình các cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xả thải.

Trên đây là thỏa thuận của Công ty TNHH MTV thủy lợi Sông Tích trả lời văn bản số 45/CV-BD xin xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Thạch Thất, TP Hà Nội của Công ty TNHH thương mại Bình Dương. /.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Chủ tịch Công Ty (đề b/c);
- Tổng giám đốc Công Ty (đề b/c);
- Ông Đặng Trần Dũng Tuấn- PTGD CTy;
- XN TL. Thạch Thất;
- Lưu VT, QL.N.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Trần Dũng Tuấn**

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2024

**HỢP ĐỒNG**

**VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI**

Số: **000496**/2024/HĐCNK

- Căn cứ Bộ Luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015;
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên môi trường về quản lý chất thải nguy hại;
- Căn cứ giấy phép Môi trường số: 438/GPMT - BTNMT của Công ty Cổ phần MTĐT và Công nghiệp Bắc Sơn được cấp ngày 30/12/2022.
- Căn cứ đề nghị của Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương về việc vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.

Hai bên chúng tôi gồm:

**I. CHỦ NGUỒN THẢI: CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH BÌNH DƯƠNG (BÊN A)**

Địa chỉ : SN47 đường Máy Nước, thôn Miếu, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.  
Điện thoại : 02433 929 870 - 09126 606080  
Mã số thuế : 0500388782  
Người đại diện : Ông Nguyễn Đình Bình Chức vụ: Giám đốc

**II. CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI :  
CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (BÊN B)**

Địa chỉ : Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
VP giao dịch: Số 2, ngõ 15, đường An Dương Vương, Phú Thượng, Tây Hồ, Hà Nội.  
Điện thoại : 024.6275 4826 Fax: 024.6275 4827  
Mã số thuế : 0102961796  
Tài khoản : 113000037652 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Thăng Long, PGD Sông Cầu  
Người đại diện : Ông Trần Vũ Hiệp Chức vụ : Giám Đốc

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp Đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

(1) Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi

lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của Bên B.

(2) Hợp đồng này có thời hạn một (1) năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2024 đến hết ngày 01 tháng 10 năm 2025.

### ĐIỀU 1. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

(1) Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp, nguy hại ở dạng rắn, lỏng, bùn (chi tiết theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại).

(2) Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nơi lưu chứa chất thải của Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương.

Địa chỉ: SN47 đường Máy Nước, thôn Miếu, xã Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Thời gian giao nhận: sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày.

**Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải:** 02462.754.826 (Phòng Kinh doanh) hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 02462.754.826

(3) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.

(4) Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải công nghiệp, nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Khu xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, địa chỉ: Thôn 2 – Xã Hồng Kỳ - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội. Bên B có trách nhiệm đáp ứng các điều kiện về địa điểm, trang thiết bị và quy trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

### ĐIỀU 2. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ

(1) Đơn giá vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng (chưa bao gồm thuế VAT) được áp dụng như sau:

STT	Tên chất thải	Phương pháp xử lý	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý (VNĐ)
1	Bao bì thải chứa TPNH	Theo quy định	18 01 01 18 01 02 18 01 03	Kg	8.000
2	Hộp mực in thải	Theo quy định	08 02 04	Kg	8.000
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Theo quy định	12 06 05	Kg	4.000
4	Giẻ lau, găng tay dính dầu	Theo quy định	18 02 01	Kg	8.000
5	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Theo quy định	15 01 02	Kg	8.000
6	Dầu thải	Theo quy định	17 06 02	Kg	5.000

7	Bóng đèn huỳnh quang thải	Theo quy định	16 01 01	Kg	10.000
8	Chất thải công nghiệp thông thường	Theo quy định		Kg	7.000

(2) Phí vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại được tính như sau:

+ Nếu chi phí vận chuyển xử lý trong 01 lần vận chuyển khi nhân với đơn giá nhỏ hơn 7.000.000 (Bảy triệu đồng) trên 01 lần vận chuyển thì bên B vẫn sẽ tính là 7.000.000 (Bảy triệu đồng) - đã bao gồm thuế VAT.

+ Nếu chi phí vận chuyển, xử lý trong 01 lần vận chuyển khi nhân với đơn giá lớn hơn 7.000.000 (Bảy triệu đồng) trên 01 lần vận chuyển thì bên A phải chịu mức giá theo bảng giá trên.

(3) Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

(4) Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

### **ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

(1) Bên A thanh toán tạm ứng cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền tương ứng với 01 lần vận chuyển là: **7.000.000 (Bảy triệu đồng) - đã bao gồm VAT**, ngay sau khi hai Bên ký kết Hợp đồng. Số tiền trên sẽ được khấu trừ khi bên B xuất hóa đơn tài chính. Nếu bên A có nhu cầu vận chuyển chất thải lần 2,3... thì bên A phải đặt cọc số tiền tương ứng trước khi bên B tiến hành vận chuyển, xử lý. Bên A thanh toán phí phát sinh theo khoản (2) ĐIỀU 2 bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.

(2) Thuế xuất thuế GTGT theo quy định hiện hành của Nhà nước, thuế xuất thuế GTGT sẽ do bên A chịu.

### **ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A**

(1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 2; ĐIỀU 3 của Hợp đồng.

(2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm Sổ chủ nguồn chất thải nguy hại (bản sao), hoàn thiện chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật để Bên B xác nhận sau mỗi lần giao nhận chất thải.

(3) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải công nghiệp nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải bên A và đóng gói theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

(4) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

(5) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

(6) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

## **ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B**

(1) Bên B có trách nhiệm vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

(2) Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

(3) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

(4) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

(5) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

(6) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

(7) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm như không giới hạn ở thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên môi trường.

(8) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

(9) Bên B có trách nhiệm cung cấp cho bên A giấy phép thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và quy trình xử lý khi bên A yêu cầu.

## **ĐIỀU 6. BẢO MẬT**

(1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

(2) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

## **ĐIỀU 7. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

(1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

(2) Hợp đồng này sẽ hết hiệu lực trong các trường hợp sau mà hai Bên không cần phải làm bản thanh lý hợp đồng:

(a) Hợp đồng hết hiệu lực hoặc

(b) Sau khi hai bên hoàn tất các quyền và nghĩa vụ nêu trong Hợp đồng này

(c) Nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn VAT theo đúng quy định tại ĐIỀU 2, ĐIỀU 3 của hợp đồng thì bên B sẽ gửi thông báo đề nghị thanh toán cho bên A, trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được thông báo mà bên A vẫn chưa thanh thì toán bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức với bên A.

### **ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

(1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

(2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

### **ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG**

(1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

(2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

(a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

(b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

(3) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

### **ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

(1) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

(2) Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

(3) Ngay sau khi hai bên thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

(4) Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**



**GIÁM ĐỐC**

*Nguyễn Đình Bình*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



**GIÁM ĐỐC**

*Trần Vũ Hiệp*

Mẫu số:03C



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN LAI THU THUẾ, PHÍ, LỆ PHÍ VÀ THU PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH**

(Áp dụng đối với trường hợp in từ chương trình ứng dụng thu ngân sách nhà nước)

Liên số:..... Lưu tại:.....

Số Seri: HAN382224

Số Biên lai: 4121017

Thu phạt

Nội dung phạt: Không thực hiện chống thấm, chống tràn ao, hồ, khu chứa nước thải trong trường hợp nước thải không chứa chất thải nguy hại; Trace:016724

Thu phí, lệ phí

Tên loại phí, lệ phí:.....

Thu thuế

Người nộp thuế: Công ty TNHH nước sạch Bình Dương Mã số thuế/CMND/HC:

Địa chỉ: Số 47, đường NM nước, thôn Miếu, Hữu Bằng, Huyện: Huyện Thạch Thất Tỉnh: Thành phố Hà Nội

Theo quyết định số: 5309 ngày: 13/11/2024 của: UBND huyện THẠCH THẮT

Đơn vị nhận tiền: KBNN Thạch Thất - Hà Nội

STT	Nội dung các khoản nộp Ngân sách/Mã định danh hồ sơ(ID)	Số tiền
1	Phạt vi phạm tệ nạn xã hội	8 000 000
2	Phạt chậm nộp	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>8 000 000</b>

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Tám triệu đồng./.

Người nộp tiền  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 02 tháng 12 năm 2024

Người thu tiền  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Việt Nam



TỈNH/THÀNH PHỐ

BIÊN BẢN BÀN GIAO  
CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP  
THÔNG THƯỜNG, CTRSH

BM.09.05.01

Số: 0006868

1. Bên giao (chủ nguồn thải, chủ thu gom, vận chuyển): CT Nước Bình Dương

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: 55/47 Đ. Nguyễn Huệ, Phường Thủ Khoa Huân, Quận 1, TP. HCM

2. Bên nhận (chủ thu gom, vận chuyển hoặc chủ xử lý): CTCP NTĐT và CN Bắc Sơn

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở xử lý: Thôn 2 Trung Giã, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên

3. Khối lượng CTRCNTT chuyển giao

TT	Các loại chất thải	CTRCNTT chuyển giao (kg)	Ghi chú
1	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)		29/11/2025
2	Chất thải phải xử lý		
	Bùn thải thông thường	1000	
	Tổng khối lượng	1000	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

....., ngày 15 tháng 12 năm 2025

Bên giao

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

....., ngày 15 tháng 12 năm 2025

Bên nhận

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Nguyễn Chí Minh

Liên 1: Lưu tại cuống (Trắng) Liên 2: Trả khách hàng (Hồng) Liên 3: Phòng kinh doanh (Xanh) Liên 4: Phòng KTTH (Vàng)

15/12/2025 10:50



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN  
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HÀ NỘI  
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG  
ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2024

**SỔ GIAO NHẬN CHẤT THẢI NGUY HẠI** SỐ: 0011459

Căn cứ hợp đồng số: .....

Khách hàng: Công Ty TNHH Nước Sạch Bình Dương

Nơi giao hàng (địa chỉ): Số 47 đường máy nước - Thôn Miếu - Xã Hữu Bằng - Thành Phố HV

TT	Mã chất thải	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Trạng thái	Loại bao bì		Biển số xe vận chuyển	Ghi chú
						Thu của khách hàng	Trả khách hàng		
		Bùn thải Thùng Thùng	Kg	2000.000	Loỏng		296.092.14		34

- Sổ này có số .....trang, đánh từ trang số ..... đến trang.....

- Ngày mở sổ.....

- \* Khách hàng phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về tất cả các chủng loại và nguồn gốc xuất xứ của các loại chất thải bàn giao trên.
- \* Toàn bộ khối lượng chất thải trên đã được bốc xếp lên xe vận chuyển theo đúng các quy định đã được thống nhất giữa hai bên.

**ĐẠI DIỆN BÊN GIAO**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
  
Nguyễn Đình Tường

**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
  
Nguyễn Văn Thuận

Liên 1: Lưu tại cuộc (Trắng) Liên 2: Trả khách hàng (Hồng) Liên 3: Phòng kinh doanh (Xanh) Liên 4: Phòng KTTH (Vàng)

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2025



**HỢP ĐỒNG**

**VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI**

Số: 0...0...0...5...3...9.../2025/HĐCNK

- Căn cứ Bộ Luật dân sự nước CHXHCN Việt Nam số 91/2015/QH13 được Quốc hội khoá XIII thông qua ngày 24/11/2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực kể từ ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 01/01/2022;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên môi trường về quản lý chất thải nguy hại;

- Căn cứ giấy phép Môi trường số: 438/GPMT - BTNMT của Công ty Cổ phần MTDI và Công nghiệp Bắc Sơn được cấp ngày 30/12/2022.

- Căn cứ đề nghị của Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương về việc vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại.

Hai bên chúng tôi gồm:

**I. CHỦ NGUỒN THẢI: CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH BÌNH DƯƠNG (BÊN A)**

Địa chỉ : Số nhà 47 đường Máy Nước, Thôn Miếu, Xã Tây Phương, TP Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 02433 929 870 - 09126 606080

Mã số thuế : 0500388782

Người đại diện : Ông Nguyễn Đình Trường Chức vụ: Giám đốc

**II. CHỦ VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP NGUY HẠI : CÔNG TY CP MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÔNG NGHIỆP BẮC SƠN (BÊN B)**

Địa chỉ : Thôn 2, xã Trung Giã, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

VP giao dịch: Số 2, ngõ 15, đường An Dương Vương, Phường Phú Thượng, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 024.6275 4826 Fax: 024.6275 4827

Mã số thuế : 0102961796

Tài khoản : 113000037652 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Bắc Thăng Long, PGD Sông Cầu

Người đại diện : Ông Cao Xuân Thìn Chức vụ : Giám Đốc

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp Đồng vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại với các nội dung sau đây:

(1) Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh từ nơi

lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại của Bên B.

(2) Hợp đồng này có thời hạn một (1) năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến hết ngày 01 tháng 10 năm 2026.

### ĐIỀU 1. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

(1) Đặc tính chất thải: Chất thải công nghiệp, nguy hại ở dạng rắn, lỏng, bùn (chi tiết theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại).

(2) Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nơi lưu chứa chất thải của Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương.

Địa chỉ: Số nhà 47 đường Máy Nước, Thôn Miếu, Xã Tây Phương, TP Hà Nội, Việt Nam.

Thời gian giao nhận: sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày.

**Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải:** 02462.754.826 (Phòng Kinh doanh) hoặc liên hệ trực tiếp với nhân viên ký kết hợp đồng.

Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, điện thoại: 02462.754.826

(3) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải công nghiệp, nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.

(4) Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải công nghiệp, nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Khu xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị và công nghiệp Bắc Sơn, địa chỉ: Thôn 2 – Xã Hồng Kỳ - Huyện Sóc Sơn - Hà Nội. Bên B có trách nhiệm đáp ứng các điều kiện về địa điểm, trang thiết bị và quy trình xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

### ĐIỀU 2. ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ

(1) Đơn giá vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tính bằng tiền Việt Nam đồng (chưa bao gồm thuế VAT) được áp dụng như sau:

STT	Tên chất thải	Phương pháp xử lý	Mã CTNH	Đơn vị tính	Đơn giá xử lý (VND)
1	Bao bì thải chứa TPNH	Theo quy định	18 01 01 18 01 02 18 01 03	Kg	8.000
2	Hộp mực in thải	Theo quy định	08 02 04	Kg	8.000
3	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Theo quy định	12 06 05	Kg	3.000
4	Giẻ lau, găng tay dính TPNH	Theo quy định	18 02 01	Kg	8.000
5	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Theo quy định	15 01 02	Kg	8.000
6	Dầu thải	Theo quy định	17 06 02	Kg	5.000

Ngày lập: 01/10/2025  
HDCNK - Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương

Người lập: Vũ Trường Giang

Người kiểm tra: Đinh Huy Dệ

2

01/10/2025  
M. C  
C. T  
TRƯA

8878.2  
CÔNG TY  
TNHH  
NƯỚC SẠCH  
BÌNH DƯƠNG  
PHỐ Y

7	Bóng đèn huỳnh quang thải	Theo quy định	16 01 01	Kg	10.000
8	Pin, ắc quy thải	Theo quy định	16 01 12	Kg	6.000
9	Thiết bị, linh kiện điện tử thải	Theo quy định	16 01 13	Kg	6.000
10	Chất thải công nghiệp thông thường (bùn thông thường, rác công nghiệp thông thường)	Theo quy định		Kg	7.000

(2) Phí vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại được tính như sau:

+ Nếu chi phí vận chuyển xử lý trong 01 lần vận chuyển khi nhân với đơn giá nhỏ hơn 7.000.000 (Bảy triệu đồng) trên 01 lần vận chuyển thì bên B vẫn sẽ tính là 7.000.000 (Bảy triệu đồng) - đã bao gồm thuế VAT.

+ Nếu chi phí vận chuyển, xử lý trong 01 lần vận chuyển khi nhân với đơn giá lớn hơn 7.000.000 (Bảy triệu đồng) trên 01 lần vận chuyển thì bên A phải chịu mức giá theo bảng giá trên.

(3) Hai bên sẽ lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến làm cơ sở để hai bên thanh quyết toán hợp đồng. Trường hợp bên A phát sinh chất thải mới hai bên sẽ thống nhất phương án xử lý và đơn giá bổ sung tại phụ lục hợp đồng.

(4) Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

### ĐIỀU 3. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

(1) Bên A thanh toán tạm ứng cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền tương ứng với 01 lần vận chuyển là: **7.000.000 (Bảy triệu đồng)** - đã bao gồm VAT, ngay sau khi hai Bên ký kết Hợp đồng. Số tiền trên sẽ được khấu trừ khi bên B xuất hóa đơn tài chính. Nếu bên A có nhu cầu vận chuyển chất thải lần 2,3... thì bên A phải đặt cọc số tiền tương ứng trước khi bên B tiến hành vận chuyển, xử lý. Bên A thanh toán phí phát sinh theo khoản (2) ĐIỀU 2 bằng chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau mười lăm (15) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.

(2) Thuế xuất thuế GTGT theo quy định hiện hành của Nhà nước, thuế xuất thuế GTGT sẽ do bên A chịu.

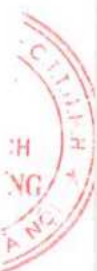
### ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

(1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 2; ĐIỀU 3 của Hợp đồng.

(2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm Sổ chủ nguồn chất thải nguy hại (bản sao), hoàn thiện chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật để Bên B xác nhận sau mỗi lần giao nhận chất thải.

(3) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải công nghiệp nguy hại tại cơ sở phát sinh chất thải bên A và đóng gói theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải, Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

11/05/2025



(4) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển, xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

(5) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình cân đo khối lượng, vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.

(6) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

#### **ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B**

(1) Bên B có trách nhiệm vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.

(2) Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.

(3) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.

(4) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

(5) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.

(6) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.

(7) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm như không giới hạn ở thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên môi trường.

(8) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

(9) Bên B có trách nhiệm cung cấp cho bên A giấy phép thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và quy trình xử lý khi bên A yêu cầu.

#### **ĐIỀU 6. BẢO MẬT**

(1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

(2) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

#### **ĐIỀU 7. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG**

(1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.

(2) Hợp đồng này sẽ hết hiệu lực trong các trường hợp sau mà hai Bên không cần phải làm bản thanh lý hợp đồng:

(a) Hợp đồng hết hiệu lực hoặc

Ngày lập: 01/10/2025  
HĐCNK - Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương

Người lập: Vũ Trường Giang

Người kiểm tra: Đinh Huy Đệ

- (b) Sau khi hai bên hoàn tất các quyền và nghĩa vụ nêu trong Hợp đồng này
- (c) Nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn VAT theo đúng quy định tại ĐIỀU 2, ĐIỀU 3 của hợp đồng thì bên B sẽ gửi thông báo đề nghị thanh toán cho bên A, trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận được thông báo mà bên A vẫn chưa thanh thì toán bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức với bên A.

### ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- (1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
- (2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

### ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

(1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

(2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

(a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

(b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

(3) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

### ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

(1) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

(2) Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng. nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.

(3) Ngay sau khi hai bên thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng thì hợp đồng này mặc nhiên được thanh lý.

(4) Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Cường



GIÁM ĐỐC

Cao Xuân Thìn

Ngày lập: 01/10/2025  
HDCNK - Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương

Người lập: Vũ Trường Giang

Người kiểm tra: Đinh Huy Dệ



TỈNH/THÀNH PHỐ HÀ NỘI CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUYỄN HẠI  
Số: 152/2025/438/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH: Công ty cổ phần Môi trường đô Thị và Công nghiệp Bắc Sơn GPMT Số: 438/GPMT-BTNMT  
Địa chỉ văn phòng: Số 2, Ngõ 15, đường An Dương Vương, quận Tây Hồ, TP Hà Nội DT: 024.6275 4826  
Địa chỉ cơ sở/dại lý: Thôn 2, xã Hồng Kỳ, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam DT: 024. 62918876

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: ..... Mã số QLCTNH  
Địa chỉ văn phòng: ..... DT: .....  
Địa chỉ cơ sở: ..... DT: .....

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Nước sạch Bình Dương Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):  
Địa chỉ văn phòng: Số nhà 47 đường Máy Nước, Thôn Miếu, Xã Tây Phương, TP Hà Nội, Việt Nam DT: 02433 929 870  
Địa chỉ cơ sở: Số nhà 47 đường Máy Nước, Thôn Miếu, Xã Tây Phương, TP Hà Nội, Việt Nam DT: 02433 929 870

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý <sup>#</sup>
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Giẻ lau dính TPNH	x			18 02 01	11	TD
2	Pin, ắc quy thải	x			16 01 12	2	Phá dỡ, xử lý
3	Linh kiện điện tử thải	x			16 01 13	3	TD

<sup>#</sup> Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH; TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: ..... Cửa khẩu nhập .....  
Số hiệu phương tiện: ..... Ngày xuất cảng: .....  
Cửa khẩu xuất: .....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H1 - 920.77

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Vũ Trường Giang Ký:..... Ngày: 15/12/2025

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ..... Ký:..... Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).  
Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025  
Chức danh người ký  
(Chữ ký, đóng dấu)  
  
Giám đốc  
Nguyễn Đình Tường

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4  
Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2025  
Chức danh người ký  
(Chữ ký, đóng dấu)  
  
Giám đốc  
Cao Xuân Thìn

\*Liên số: 1☐ - 2☐ - 3☐ - 4☐  
Ghi chú : .....(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

## **BÁO CÁO**

### **Công tác bảo vệ môi trường năm 2024**

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

#### **THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở: Nhà máy nước sạch Hữu Bằng
- Địa chỉ: Số 47 đường Máy Nước, thôn Miếu, xã Tây Phương, TP Hà Nội.
- Đại diện: Ông Nguyễn Đình Tường Chức danh: Giám đốc
- Điện thoại: 02433672281
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0500388782 cấp lần đầu ngày 12/12/2008 thay đổi lần **thứ 1 ngày 05/04/2022.**
- Loại hình: Nhà máy xử lý nước sạch
- Quy mô/công suất:
  - + Công suất cấp nước lớn nhất: 2.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
- Tần suất hoạt động: Thường xuyên
- Giấy phép môi trường số: Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi số 333/GP-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2020 do UBND thành phố Hà Nội phê duyệt; Đề án bảo vệ môi trường đơn giản tại giấy xác nhận số 176/GXN-UBND ngày 25/01/2018 do UBND huyện Thạch Thất phê duyệt; giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất số 38/GP-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2023 do UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.
- Giấy chứng nhận ISO 14001 (nếu có): không có
- Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị

đo):

+ Công suất năm 2023: Công suất cấp nước năm 2023 khoảng 40% công suất thiết kế.

+ Công suất năm 2024: Công suất cấp nước năm 2024 khoảng 70% công suất thiết kế.

- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo:

+ Nhu cầu sử dụng điện:

Tổng nhu cầu sử dụng điện năm 2023 là: 652.136 kwh/năm; nhu cầu sử dụng điện năm 2024 là: 815.270 kwh/năm

+ Nhu cầu sử dụng nước:

Tổng nhu cầu sử dụng nước năm 2023 là: 7.227 m<sup>3</sup>/năm; nhu cầu sử dụng nước năm 2024 là: 9.636 m<sup>3</sup>/năm.

## **Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

### **1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải**

#### ***1.1. Xử lý nước thải***

Nước thải rửa hệ thống lọc nước cấp được thu gom theo đường ống PCV D160 chảy về bể lắng 1 của hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải xí tiêu phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom trong đường ống PVC D110 xuống bể tự hoại 3 ngăn có dung tích 3m<sup>3</sup> để xử lý. Nước sau xử lý cũng được dẫn bằng đường ống PVC D110 cùng với nước rửa tay chân thoát sàn chảy về bể lắng 2 của hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải rửa tay chân thoát sàn được thu gom theo đường ống PCV D90 cùng với nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại chảy về bể lắng 2 của hệ thống xử lý nước thải.

Toàn bộ nước thải được dẫn về bể xử lý nước thải gồm 02 bể lắng, bể lắng số 1 kích thước Dài x rộng x sâu: 12 x 11 x 1,5m thể tích 196 m<sup>3</sup>, nước sau khi lắng tại bể lắng 1 sẽ chảy theo đường ống PVC D110 về bể lắng số 2 kích thước 14 x 14 x 0,8 m, thể tích 156 m<sup>3</sup> để xử lý, nước thải sau xử lý chảy tràn theo đường

ống PVC D110 ra mương thoát nước chung của khu vực qua 01 điểm xả tách riêng với điểm xả nước mưa.

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là mương thoát nước chung của khu vực phía Đông khu đất dự án, mương có chức năng tiêu thoát nước mưa, nước thải cho phạm vi dự án và khu vực xung quanh, không có chức năng tưới tiêu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiều  $3^0$ ): X = 2326047; Y = 564510.

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong năm 2023 là  $5.781 \text{ m}^3$ , tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt năm 2024 theo nhật ký vận hành xử lý nước thải của cơ sở là  $7.708 \text{ m}^3$ ;

- Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong giấy phép xả thải Cơ sở:  $14.600 \text{ m}^3$

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh: Nước thải rửa lọc và nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý chung và xả ra ngoài môi trường qua 01 điểm xả.

- Tổng lưu lượng nước làm mát: Cơ sở không phát sinh nước làm mát

- Tình hình đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp: Toàn bộ nước thải sau khi xử lý tại Cơ sở được đầu nối về mương thoát nước chung của khu vực qua 01 điểm xả.

## **1.2. Kết quả quan trắc nước thải**

### **1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải**

#### 1.2.1.1 Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt

Năm 2024 cơ sở tập trung cải tạo, xây dựng hệ thống cấp nước nên chưa quan trắc môi trường nước thải định kỳ.

#### 1.2.1.2 Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

Tại Cơ sở không phát sinh nước thải công nghiệp

### **1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động

## 2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

### 2.1. Xử lý khí thải

Quá trình hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải. Cơ sở không thuộc đối tượng phải xây dựng công trình xử lý khí thải

### 2.2. Kết quả quan trắc khí thải

#### 2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ

Cơ sở không phải quan trắc khí thải

#### 2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động

## 3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thông kê chất thải phát sinh:

Thông kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng năm 2024 (tấn/năm)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2023 (tấn)
1	Rác thải sinh hoạt	0,48	Công ty môi trường đô thị	0,48

Thông kê CTRCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

TT	Nhóm CTRCNTT	Khối lượng (kg) năm 2024	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Khối lượng năm 2023 (kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất	0		0
2	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tiếp	0		0

	nhận CTRCNTT)			
--	---------------	--	--	--

Đối với cơ sở sản xuất có sử dụng CTRCNTT để tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất: Không có

Thông kê các loại chất thải rắn thông thường khác (nếu có):

TT	Nhóm CTRTT khác	Khối lượng năm 2024 (kg/năm)	Phương thức tự xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
1	Bùn thải	2.000	Không	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn	1.000

#### 4. về quản lý chất thải nguy hại:

Thông kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại trong thùng riêng biệt và được dán mã CTNH, biển cảnh báo theo đúng quy định. Cơ sở đã ký hợp đồng số 000496/2024/HĐCNK ngày 01/10/2024 và phụ lục hợp đồng số 000496/2024/HĐCNDT ngày 01 tháng 11 năm 2024 với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn đến thu gom vận chuyển đi xử lý.

Khối lượng chất thải nguy hại vận chuyển đi xử lý năm 2024 như sau:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2024 (kg/năm)	Phương pháp xử lý <sup>(i)</sup>	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
Pin, ắc quy thải	16 01 12	0,5	-	Lưu giữ trong kho CTNH của cơ sở	-
Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính dầu	18 02 01	2	-		1
Linh kiện điện tử	16 01 13	0,5	-		-

<sup>(i)</sup> Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

- a) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có): không có
- b) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có): không có
  - Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm):

Trong thời gian tới, Cơ sở tiếp tục áp dụng các biện pháp thu gom và xử lý chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng riêng biệt trong kho CTNH của Cơ sở. Khi chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng lớn Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý.

### **5. về quản lý chất thải y tế (chỉ áp dụng đối với các cơ sở y tế)**

Cơ sở không thuộc đối tượng báo cáo

### **6. về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

#### **6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:**

Cơ sở đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Đảm bảo công nhân được hướng dẫn và xử lý tình huống khi có sự cố xảy ra. Cụ thể:

#### **❖ Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy, nổ**

- Huấn luyện, giáo dục ý thức CBCNV về phòng, chống cháy nổ
- Thường xuyên kiểm tra các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao
- Đảm bảo khả năng thoát hiểm, lắp đặt hệ thống báo cháy và trang bị đầy đủ dụng cụ chữa cháy (như: bình chữa cháy, ống nước theo quy định của PCCC, ...). Thường xuyên kiểm tra và đảm bảo luôn ở trạng thái sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Ban hành và phổ biến các nguyên tắc, quy định về phòng cháy chữa cháy (PCCC) cho tất cả CBCNV.

- Huấn luyện cho CBCNV về công tác PCCC và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở CBCNV chấp hành các nguyên tắc, quy định về PCCC.

#### **❖ Biện pháp giảm thiểu sự cố về môi trường**

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống thu gom và xử lý nước thải để khắc phục khi có tình trạng hư hỏng, bể vỡ các hạng mục,...
- Định kỳ phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình.

#### **❖ Biện pháp giảm thiểu sự cố về dịch bệnh**

Để đảm bảo sức khỏe và an toàn trong lao động của cán bộ, công nhân viên, ngoài công tác quản lý chất thải phát sinh, phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện tốt công tác phòng, tránh dịch bệnh trên địa bàn.

#### **❖ Biện pháp giảm thiểu sự cố từ các bể xử lý nước thải của công ty**

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống dẫn nước.
- Nhanh chóng sửa chữa hệ thống dẫn nước thải khi phát hiện có sự cố.
- Thường xuyên kiểm tra phao định mức.

**6.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:**

Trong năm 2024, chủ dự án luôn chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động nên chưa xảy ra sự cố môi trường nào.

**7. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy**

**7.1. Thông tin về chủng loại và khối lượng chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm đang được sản xuất, sử dụng:**

Không có

**7.2. Ước tính chất ô nhiễm phát thải vào môi trường tại Cơ sở**

STT	Tên chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Tổng khối lượng phát thải (kg/năm)	Phương pháp tính toán/ước tính (, ước tính)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Phát thải vào môi trường nước	0	
2	Phát thải vào môi trường không khí	0	
3	Phát thải vào môi trường đất	0	
4	Chuyển giao vào bùn thải hệ thống xử lý nước thải	0	
5	Chuyển giao vào chất thải rắn nguy hại	0	
5.1	Trong cơ sở	0	
5.2	Cơ sở tái chế	0	
5.3	Thải bỏ	0	

**8. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền:**

Trong năm 2024 cơ sở luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, chưa xảy ra vi phạm về bảo vệ môi trường cần phải khắc phục.

**Nơi nhận:**

- Sở TNMT Hà Nội;
- Lưu: VT;

**CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH  
BÌNH DƯƠNG**



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Đình Tường*

## **BÁO CÁO**

### **Công tác bảo vệ môi trường năm 2025**

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội

#### **THÔNG TIN CHUNG**

- Tên cơ sở: Nhà máy nước sạch Hữu Bằng
- Địa chỉ: Số 47 đường Máy Nước, thôn Miếu, xã Tây Phương, TP Hà Nội.
- Đại diện: Ông Nguyễn Đình Tường Chức danh: Giám đốc
- Điện thoại: 02433672281
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 0500388782 cấp lần đầu ngày 12/12/2008 thay đổi lần thứ 4 ngày 12/08/2025.
  - Loại hình: Nhà máy xử lý nước sạch
  - Quy mô/công suất:
    - + Công suất cấp nước lớn nhất: 2.900 m<sup>3</sup>/ngày.đêm
  - Tần suất hoạt động: Thường xuyên
  - Giấy phép môi trường số: giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi số 333/GP-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2020 do UBND thành phố Hà Nội phê duyệt; Đề án bảo vệ môi trường đơn giản tại giấy xác nhận số 176/GXN-UBND ngày 25/01/2018 do UBND huyện Thạch Thất phê duyệt; giấy phép khai thác sử dụng nước dưới đất số 38/GP-UBND ngày 16 tháng 03 năm 2023 do UBND thành phố Hà Nội phê duyệt.
    - Giấy chứng nhận ISO 14001 (nếu có): không có
    - Khối lượng sản phẩm của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị

đo):

+ Công suất năm 2024: Công suất cấp nước năm 2024 khoảng 70% công suất thiết kế.

+ Công suất năm 2025: Trung bình khoảng 45% công suất thiết kế (1.300 m<sup>3</sup>/ngày.đêm).

- Nhiên liệu, điện, nước tiêu thụ của năm báo cáo và năm gần nhất (kèm theo đơn vị đo:

+ Nhu cầu sử dụng điện:

Tổng nhu cầu sử dụng điện năm 2024 là: 815.270 kwh/năm; nhu cầu sử dụng điện năm 2025 là: 679.392 kwh/năm

+ Nhu cầu sử dụng nước:

Tổng nhu cầu sử dụng nước năm 2024 là: 9.636 m<sup>3</sup>/năm; nhu cầu sử dụng nước năm 2025 là: 8.760 m<sup>3</sup>/năm

## **Phần 1. Kết quả hoạt động các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường**

### **1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải**

#### ***1.1. Xử lý nước thải***

Nước thải rửa hệ thống lọc nước cấp được thu gom theo đường ống PCV D160 chảy về bể lắng 1 của hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải xí tiêu phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh được thu gom trong đường ống PVC D110 xuống bể tự hoại 3 ngăn có dung tích 3m<sup>3</sup> để xử lý. Nước sau xử lý cũng được dẫn bằng đường ống PVC D110 cùng với nước rửa tay chân thoát sàn chảy về bể lắng 2 của hệ thống xử lý nước thải.

Nước thải rửa tay chân thoát sàn được thu gom theo đường ống PCV D90 cùng với nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại chảy về bể lắng 2 của hệ thống xử lý nước thải.

Toàn bộ nước thải được dẫn về bể xử lý nước thải gồm 02 bể lắng, bể lắng số 1 kích thước Dài x rộng x sâu: 12 x 11 x 1,5m thể tích 196 m<sup>3</sup>, nước sau khi lắng tại bể lắng 1 sẽ chảy theo đường ống PVC D110 về bể lắng số 2 kích thước 14 x 14 x 0,8 m, thể tích 156 m<sup>3</sup> để xử lý, nước thải sau xử lý chảy tràn theo đường

ống PVC D110 ra mương thoát nước chung của khu vực qua 01 điểm xả tách riêng với điểm xả nước mưa.

Nguồn tiếp nhận nước thải của cơ sở là mương thoát nước chung của khu vực phía Đông khu đất dự án, mương có chức năng tiêu thoát nước mưa, nước thải cho phạm vi dự án và khu vực xung quanh, không có chức năng tưới tiêu.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực  $105^0$ , múi chiều  $3^0$ ): X = 2326047; Y = 564510.

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong năm 2024 là 7.708 m<sup>3</sup>, tổng lưu lượng nước thải sinh hoạt năm 2025 theo nhật ký vận hành xử lý nước thải của cơ sở là 7.008 m<sup>3</sup>;

- Tổng lưu lượng theo thiết kế được phê duyệt trong giấy phép xả thải Cơ sở: 14.600 m<sup>3</sup>

- Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh: Nước thải rửa lọc và nước thải sinh hoạt được thu gom xử lý chung và xả ra ngoài môi trường qua 01 điểm xả.

- Tổng lưu lượng nước làm mát: Cơ sở không phát sinh nước làm mát

- Tình hình đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp: Toàn bộ nước thải sau khi xử lý tại Cơ sở được đầu nối về mương thoát nước chung của khu vực qua 01 điểm xả.

## **1.2. Kết quả quan trắc nước thải**

### **1.2.1. Quan trắc định kỳ nước thải**

#### **1.2.1.1 Quan trắc định kỳ nước thải sinh hoạt**

- Quan trắc chất lượng nước thải: Năm 2025 cơ sở đã thực hiện quan trắc nước thải 3 đợt.

- Vị trí các điểm quan trắc: Nước thải sau xử lý

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu/đợt.

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Nước thải Công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

- Đơn vị thực hiện quan trắc: Công ty cổ phần Kỹ thuật điện và môi trường Asia Green

- Kết quả quan trắc môi trường:

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			QCTĐHN 02:2014/ BTNMT	QCVN 14:2008/ BTNMT
			27/10	28/10	29/10	Cột B- Cmax	Cột B, K=1,2
1.	pH <sup>(a)</sup>	-	7,67	7,56	7,93	<b>5,5 ÷ 9</b>	<b>5 ÷ 9</b>
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) <sup>(a)</sup>	mg/L	239	124	97	-	<b>1.200</b>
3.	Độ màu <sup>(a)</sup>	Pt/Co	13	10	KPH (MDL=5)	<b>150</b>	-
4.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD <sub>5</sub> ) <sup>(a)</sup>	mg/L	1,5	1,5	1,3	<b>54</b>	<b>60</b>
5.	Nhu cầu oxi hóa học (COD) <sup>(a)</sup>	mg/L	7	4,2	7	<b>162</b>	-
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(a)</sup>	mg/L	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	4,6	<b>108</b>	<b>120</b>
7.	Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> _N) <sup>(a)</sup>	mg/L	2,45	1,52	1,54	<b>10,8</b>	<b>12</b>
8.	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> _N) <sup>(a)</sup>	mg/L	1,53	1,34	0,06	-	<b>60</b>
9.	Photphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> _P) <sup>(a)</sup>	mg/L	0,024	0,03	KPH (MDL=0,01)	-	<b>12</b>
10.	Sunfua (S <sup>2-</sup> ) <sup>(a)</sup>	mg/L	0,06	0,173	0,03	<b>0,54</b>	<b>4,8</b>
11.	Sắt (Fe) <sup>(a)</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	0,187	<b>5,4</b>	-
12.	Asen (As) <sup>(a)</sup>	mg/L	0,0046	0,0014	0,0014	<b>0,108</b>	-
13.	Đồng (Cu) <sup>(a)</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	<b>2,16</b>	-
14.	Mangan (Mn) <sup>(a)</sup>	mg/L	0,088	0,06	0,03	<b>1,08</b>	-

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			QCTĐHN 02:2014/BTNMT	QCVN 14:2008/BTNMT
			27/10	28/10	29/10	Cột B-Cmax	Cột B, K=1,2
15.	Tổng dầu, mỡ khoáng <sup>(a)</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,3)	0,44	0,44	<b>10,8</b>	-
16.	Dầu mỡ động, thực vật <sup>(a)</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	KPH (MDL=0,3)	-	<b>24</b>
17.	Chất hoạt động bề mặt <sup>(a)</sup>	mg/L	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	KPH (MDL=0,03)	-	<b>12</b>
18.	Coliform <sup>(a)</sup>	MPN/100 mL	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	KPH (MDL=2)	<b>5.000</b>	<b>5.000</b>

❖ **Vị trí lấy mẫu:**

- NT: Mẫu nước thải sau xử lý trước khi thoát ra ngoài môi trường

- **Quy chuẩn so sánh:**

+ QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Nước thải Công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội.

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

❖ **Nhận xét:**

Qua kết quả phân tích nhận thấy các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép, như vậy hệ thống xử lý nước thải của cơ sở đang hoạt động ổn định, đảm bảo xử lý nước thải đạt Quy chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

1.2.1.2 Quan trắc định kỳ nước thải công nghiệp

Tại Cơ sở không phát sinh nước thải công nghiệp

**1.2.2. Quan trắc nước thải liên tục, tự động**

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động

## 2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải

### 2.1. Xử lý khí thải

Quá trình hoạt động của cơ sở không phát sinh khí thải. Cơ sở không thuộc đối tượng phải xây dựng công trình xử lý khí thải

### 2.2. Kết quả quan trắc khí thải

#### 2.2.1 Kết quả quan trắc định kỳ

Cơ sở không phải quan trắc khí thải

#### 2.2.2. Quan trắc khí thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động

## 3. Về quản lý chất thải rắn thông thường

Thông kê chất thải phát sinh:

Thông kê CTRSH:

TT	CTRSH	Khối lượng năm 2025 (tấn/năm)	Khối lượng năm 2025 (kg/ngày)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Khối lượng năm 2024 (tấn)
1	Rác thải sinh hoạt	0,48	1,3	Công ty môi trường đô thị	0,48

Thông kê CTCNTT (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

TT	Nhóm CTCNTT	Khối lượng (kg) Năm 2025	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTCNTT	Khối lượng năm 2024(kg)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu cho quá trình sản xuất	0		0
2	Tái sử dụng, tái chế để làm nguyên liệu, nhiên liệu cho ngành sản xuất khác (chuyển giao cho tổ chức,	0		0

	cá nhân tiếp nhận CTRCNTT)			
--	-------------------------------	--	--	--

Đối với cơ sở sản xuất có sử dụng CTCRCNTT để tái sử dụng, tái chế, làm nguyên liệu sản xuất: Không có

Thông kê các loại chất thải rắn thông thường khác (nếu có):

TT	Nhóm CTRTT khác	Khối lượng năm 2025 (kg/năm)	Khối lượng năm 2025 (kg/ngày)	Phương thức tự xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRTT	Khối lượng năm gần nhất (kg)
1	Bùn thải	1.000	2,7	Không	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn	2.000

#### 4. về quản lý chất thải nguy hại:

Thông kê CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở được lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại trong thùng riêng biệt và được dán mã CTNH, biển cảnh báo theo đúng quy định. Cơ sở đã ký hợp đồng số 000496/2024/HĐCNK ngày 01/10/2024 và phụ lục hợp đồng số 000496/2024/HĐCNDT ngày 01 tháng 11 năm 2024 với Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn đến thu gom vận chuyển đi xử lý.

Khối lượng chất thải nguy hại vận chuyển đi xử lý năm 2024 như sau:

Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2025 (kg/năm)	Số lượng năm 2025 (kg/ngày)	Phương pháp xử lý <sup>(i)</sup>	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Khối lượng năm gần nhất (kg)
Pin, ắc quy thải	16 01 12	2	0,0055	Phá dỡ, xử lý	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn	0,5
Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, găng tay dính	18 02 01	11	0,0082	TĐ	Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị và Công nghiệp Bắc Sơn	2

dầu					Sơn	
Linh kiện điện tử	16 01 13	3		TĐ		0,5

<sup>(i)</sup> Ghi ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

a) Thống kê các CTNH được xuất khẩu (nếu có): không có

b) Thống kê các CTNH được tự tái sử dụng, sơ chế, tái chế, xử lý, đồng xử lý, thu hồi năng lượng từ CTNH trong khuôn viên cơ sở (nếu có): không có

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới (trừ trường hợp chủ nguồn thải có thời gian hoạt động dưới 01 năm):

Trong thời gian tới, Cơ sở tiếp tục áp dụng các biện pháp thu gom và xử lý chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng riêng biệt trong kho CTNH của Cơ sở. Khi chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng lớn Công ty sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý.

### **5. về quản lý chất thải y tế (chỉ áp dụng đối với các cơ sở y tế)**

Cơ sở không thuộc đối tượng báo cáo

### **6. về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:**

#### **6.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:**

Cơ sở đã xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. Đảm bảo công nhân được hướng dẫn và xử lý tình huống khi có sự cố xảy ra. Cụ thể:

##### **❖ Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy, nổ**

- Huấn luyện, giáo dục ý thức CBCNV về phòng, chống cháy nổ
- Thường xuyên kiểm tra các khu vực có nguy cơ cháy nổ cao
- Đảm bảo khả năng thoát hiểm, lắp đặt hệ thống báo cháy và trang bị đầy đủ dụng cụ chữa cháy (như: bình chữa cháy, ống nước theo quy định của PCCC, ...). Thường xuyên kiểm tra và đảm bảo luôn ở trạng thái sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Ban hành và phổ biến các nguyên tắc, quy định về phòng cháy chữa cháy (PCCC) cho tất cả CBCNV.

- Huấn luyện cho CBCNV về công tác PCCC và thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở CBCNV chấp hành các nguyên tắc, quy định về PCCC.

##### **❖ Biện pháp giảm thiểu sự cố về môi trường**

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống thu gom và xử lý nước thải để khắc phục khi có tình trạng hư hỏng, bể vỡ các hạng mục,...

- Định kỳ phối hợp với các cơ quan chức năng tiến hành lấy mẫu nước thải trước và sau xử lý để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình.

❖ *Biện pháp giảm thiểu sự cố về dịch bệnh*

Để đảm bảo sức khỏe và an toàn trong lao động của cán bộ, công nhân viên, ngoài công tác quản lý chất thải phát sinh, phối hợp với các cơ quan chức năng thực hiện tốt công tác phòng, tránh dịch bệnh trên địa bàn.

❖ *Biện pháp giảm thiểu sự cố từ các bể xử lý nước thải của công ty*

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống dẫn nước.
- Nhanh chóng sửa chữa hệ thống dẫn nước thải khi phát hiện có sự cố.
- Thường xuyên kiểm tra phao định mức.

**6.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường:**

Trong năm 2025, chủ dự án luôn chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn lao động nên chưa xảy ra sự cố môi trường nào.

**7. Về báo cáo quản lý các chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm khó phân hủy**

**7.1. Thông tin về chủng loại và khối lượng chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị có chứa chất ô nhiễm đang được sản xuất, sử dụng:**

Không có

**7.2. Ước tính chất ô nhiễm phát thải vào môi trường tại Cơ sở**

STT	Tên chất ô nhiễm khó phân hủy và nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, sản phẩm, hàng hóa, thiết bị chứa chất ô nhiễm khó phân hủy	Tổng khối lượng phát thải (kg/năm)	Phương pháp tính toán/ước tính (, ước tính)
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Phát thải vào môi trường nước	0	
2	Phát thải vào môi trường không khí	0	
3	Phát thải vào môi trường đất	0	
4	Chuyển giao vào bùn thải hệ thống xử lý nước thải	0	

5	Chuyển giao vào chất thải rắn nguy hại	0	
5.1	Trong cơ sở	0	
5.2	Cơ sở tái chế	0	
5.3	Thải bỏ	0	

**8. Kết quả khắc phục các yêu cầu của cơ quan thanh tra, kiểm tra và cơ quan nhà nước có thẩm quyền:**

Trong năm 2025 cơ sở luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, chưa xảy ra vi phạm về bảo vệ môi trường cần phải khắc phục.

**Nơi nhận:**

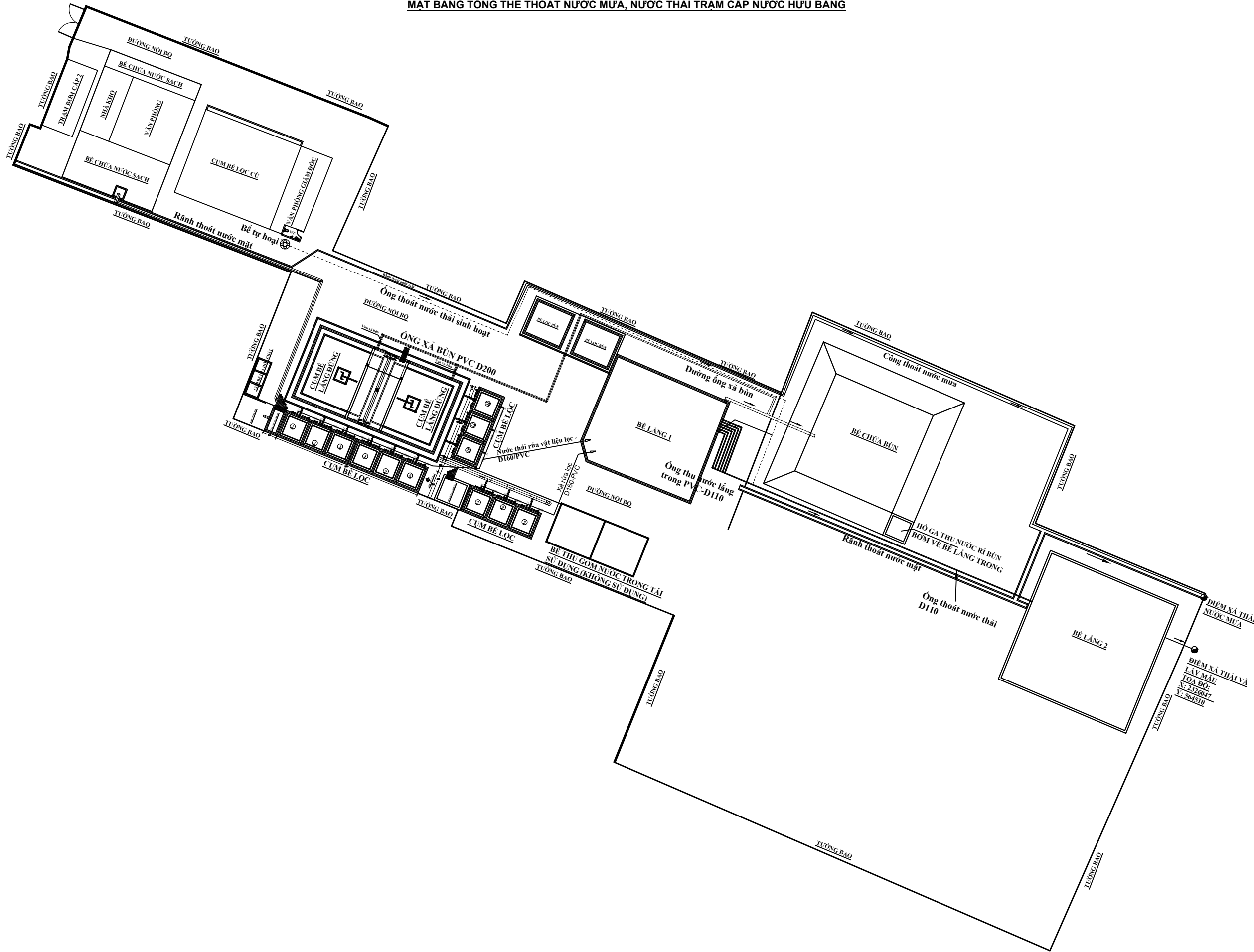
- Sở TNMT Hà Nội;
- Lưu: VT,

**CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH  
BÌNH DƯƠNG**



**NGUYỄN ĐÌNH TƯỜNG**

MẶT BẰNG TỔNG THỂ THOÁT NƯỚC MƯA, NƯỚC THẢI TRẠM CẤP NƯỚC HỮU BẰNG



Chủ đầu tư/ Investor: **CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH BÌNH DƯƠNG**

ĐC: SỐ 47 ĐƯỜNG MÂY NƯỚC, THÔN MIẾU XÃ TÂY PHƯƠNG, HÀ NỘI

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for: **THIỆT KẾ THI CÔNG**

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:
05/2025	LẦN 1	

Mặt bằng chi dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:  
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.  
Only figured dimension are to be worked from. Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Tư vấn thiết kế/ Consultant: **CÔNG TY TNHH XỬ LÝ CẤP THOÁT NƯỚC THIÊN THÀNH**

ĐC: DV13-LK494 ĐIA LÃO, KIẾN HƯNG HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

Giám đốc/ Director:	
Quản lý dự án/ Project manager:	<b>NGUYỄN VĂN THẠCH</b>
Chủ trì/ Chief:	<b>NGUYỄN VĂN THẠCH</b>
Kiểm tra/ Check by:	
Thiết kế/ Designed by:	
Vẽ/ Drawn by:	<b>NGUYỄN VĂN THẠCH</b>

Tên dự án/ Project name : **NÂNG CẤP - CẢI TẠO NHÀ MÁY CẤP NƯỚC HỮU BẰNG**

Địa điểm/ Location: **XÃ TÂY PHƯƠNG - HÀ NỘI**

Hạng mục/ Item: **XÂY MỚI KHU XỬ LÝ NƯỚC CẤP**

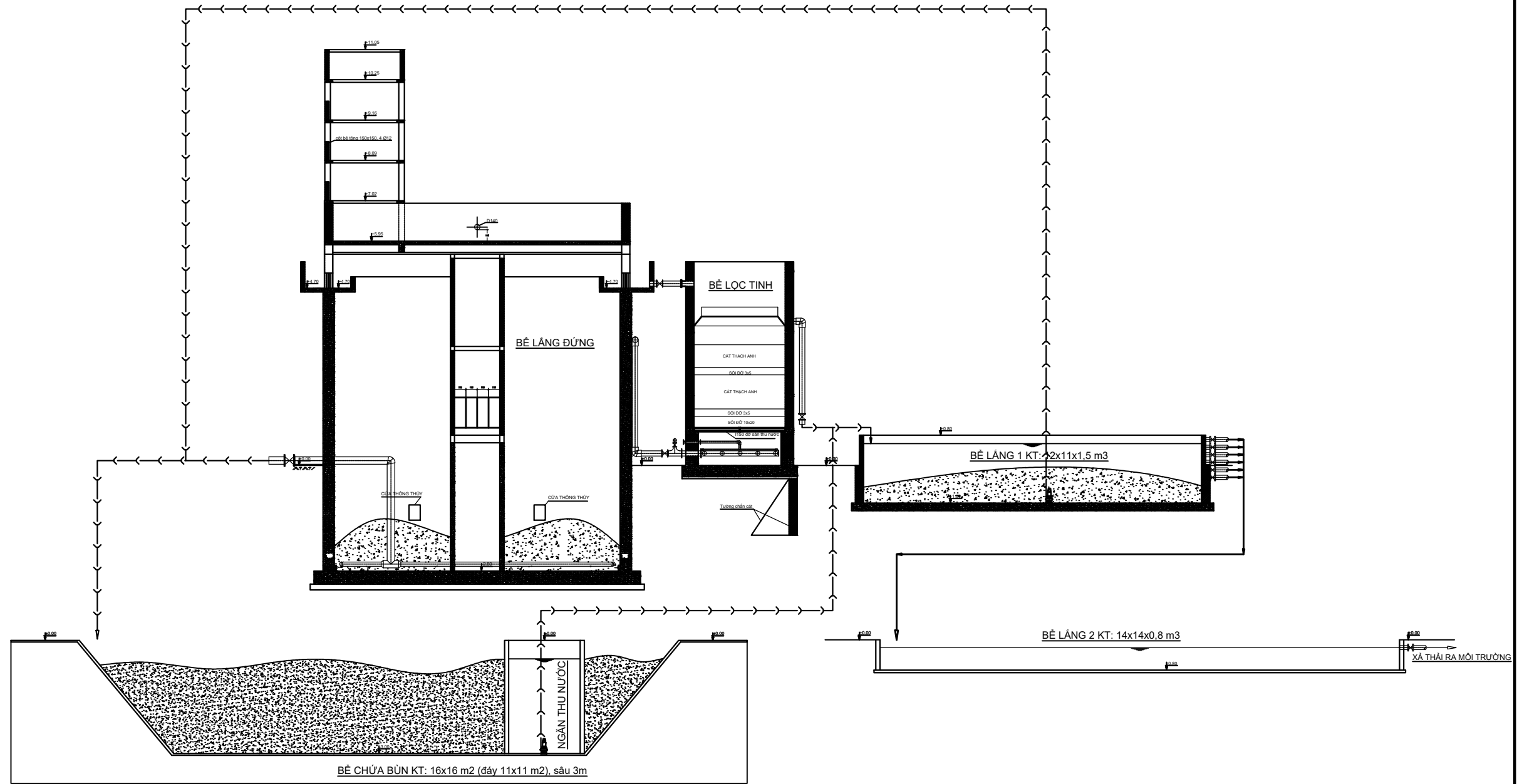
Công suất (m<sup>3</sup>/ngày)/ Capacity ( m<sup>3</sup>/day ): **4.500**

Tên bản vẽ/ Drawing title: **MẶT BẰNG TỔNG THỂ XÂY MỚI NHÀ MÁY**

Tỷ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
<b>SCALE</b>	<b>A2</b>	<b>05/2025</b>

Bản vẽ số/ Drawing no.:	Tổng/ Total:
<b>CNXD:01</b>	

# SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ THU VÀ LẮNG BÙN



Chủ đầu tư/ Investor:  
**CÔNG TY TNHH NƯỚC SẠCH BÌNH DƯƠNG**

ĐC: SỐ 47 ĐƯỜNG MÁY NƯỚC, THÔN MIẾU XÃ TÂY PHƯƠNG, HÀ NỘI

Thẩm định thiết kế/ Inspecting authority:

Mục đích phát hành/ Issued for:  
**THIẾT KẾ THI CÔNG**

Ngày/ Date:	Sửa/ Rev.:	Mô tả/ Description:
05/2025	LẦN 1	

Mặt bằng chi dẫn/ Key plan:

Chú ý/ Notes:  
Chỉ theo kích thước đã được xác định. Phải thông báo cho thiết kế những khác biệt về kích thước, nếu phát hiện được trước khi tiến hành.  
Only figured dimension are to be worked from. Discrepancies must be reported immediately to the designer before proceeding.

Tư vấn thiết kế/ Consultant:  
**CÔNG TY TNHH XỬ LÝ CẤP THOÁT NƯỚC THIÊN THANH**

ĐC: DV13-LK494 ĐĨA LÃO, KIẾN HƯNG HÀ ĐÔNG, HÀ NỘI

Giám đốc/ Director:	
Quản lý dự án/ Project manager:	<b>NGUYỄN VĂN THẠCH</b>
Chủ trì/ Chief:	<b>NGUYỄN VĂN THẠCH</b>
Kiểm tra/ Check by:	
Thiết kế/ Designed by:	
Vẽ/ Drawn by:	<b>NGUYỄN VĂN THẠCH</b>

Tên dự án/ Project name :  
**NÂNG CẤP - CẢI TẠO NHÀ MÁY CẤP NƯỚC HỮU BÀNG**

Địa điểm/ Location:  
XÃ TÂY PHƯƠNG - HÀ NỘI

Hạng mục/ Item:  
**XÂY MỚI KHU XỬ LÝ NƯỚC CẤP**

Công suất (m<sup>3</sup>/ngày) Capacity ( m<sup>3</sup>/day ):  
**4.500**

Tên bản vẽ/ Drawing title:  
**SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ DÂY CHUYỀN LẮNG BÙN**

Tỷ lệ/ Scale:	Kích cỡ/ Size:	Ngày/ Date:
<b>SCALE</b>	<b>A2</b>	<b>05/2025</b>
Bản vẽ số/ Drawing no.:	Tổng/ Total:	
<b>CNXD:02</b>		